



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1007 /QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 88 Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng;
Xét đề nghị của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 631/TTr-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng:

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất cho 128 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

Đã có thời gian 20 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì cho 197 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

Đã có thời gian 15 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

- Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng ba cho 315 cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng (có Danh sách kèm theo),

Đã có thời gian 10 năm phục vụ liên tục trong lực lượng vũ trang nhân dân, góp phần xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước và các cá nhân có tên trong Danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

KT. CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
PHÓ CHỦ TỊCH

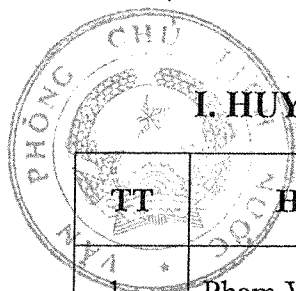
Nơi nhận:

- Chính phủ;
- VPCTN: CNVP, Website VP;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT (2).



Đặng Thị Ngọc Thịnh

DANH SÁCH
CÁC CÁ NHÂN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH NƯỚC
TẶNG THƯỞNG HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG
 (Kèm theo Quyết định số: 1007 /QĐ-CTN, ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch nước)

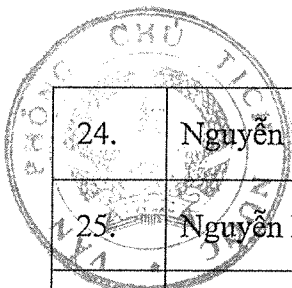


I. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG NHẤT

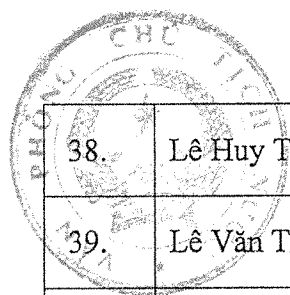
TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Phạm Văn Sơn	Đại tá	Nguyên Trưởng phòng, Phòng Quân nhu, Cục Hậu Cần, Quân Khu 1	1953	12/1972 5/2010	Xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
2.	Phan Mạnh Hồng	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	1950	12/1971 12/1993	Xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
3.	Nguyễn Sĩ Hương	Thượng tá	Nguyên Cán bộ nghiên cứu, Phân Viện Vật lý kỹ thuật, Viện Điện tử Viễn thông, Trung tâm Khoa học Kỹ thuật và Công nghệ Quân sự	1950	02/1976 6/2006	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
4.	Võ Thị Thanh Hà	Trung tá	Nguyên Giáo viên bộ môn vật lý, hóa lý kỹ thuật, Học viện Kỹ thuật Quân sự	1955	12/1979 12/2010	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
5.	Nguyễn Thị Phương Thùy	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên kế toán, Ban Tài Chính, Bệnh viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1951	11/1968 12/1993	Xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
6.	Lê Thị Lan	Đại úy CN	Nguyên Quân y sĩ, Bệnh viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1947	4/1968 6/1992	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
7.	Nguyễn Thị Ёn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Hậu cần, Bệnh viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1950	6/1968 6/1992	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
8.	Đoàn Thị Ngọc	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1956	8/1974 9/1999	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
9.	Nguyễn Đắc Ước	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm quân y, Trung đoàn 24, sư đoàn 304, Quân đoàn 2	1953	5/1971 7/1992	Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
10.	Phạm Công Điệp	Thượng tá	Nguyên Chủ nhiệm Khoa Sốt rét, Viện Vệ sinh phòng dịch Quân đội, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1940	3/1965 10/1993	Xã Phúc Khánh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

1

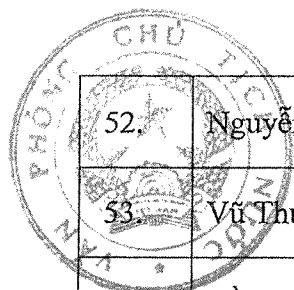
11.	Đỗ Thị Bản	Đại úy CN	Nguyên Quân Y sĩ, Viện Vệ sinh phòng dịch Quân đội, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1949	6/1966 5/1991	Xã Tiên Phong, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
12.	Phạm Văn Vần	Đại úy	Nguyên Truyền trưởng HQ702, Hải đoàn 129, Quân chủng Hải quân	1953	8/1972 12/1992	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
13.	Nguyễn Duy Đồng	Đại úy	Nguyên Trợ lý Quân lực, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1954	8/1973 3/1997	Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
14.	Nguyễn Đức Nghĩa	Đại úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1957	11/1977 3/2000	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
15.	Phạm Văn Nhượng	Thượng úy CN	Nguyên Thủ kho Vật tư, Kho 291, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1950	11/1972 11/1993	Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
16.	Cao Duy Thuận	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên bảo quản, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1947	9/1965 11/1987	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
17.	Trần Xuân Sao	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1954	12/1972 5/1999	Phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
18.	Đỗ Thị Thêm	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Kho 291, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1960	10/1978 02/2000	Xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
19.	Chu Đức Sản	Trung tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn Không quân 918, Quân chủng Không quân	1947	6/1965 12/1990	Xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
20.	Trần Văn Thái	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1935	3/1954 02/1985	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
21.	Nguyễn Công Tạo	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Lữ đoàn 472, Binh đoàn 12	1955	5/1978 01/1999	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
22.	Nguyễn Mạnh Thắng	Trung tá	Nguyên Trưởng ban Thống kê, Phòng quản lý Đảng, Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị	1945	9/1965 11/1989	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
23.	Đinh Hữu Hòa	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân lực, Trung đoàn 192, Sư đoàn 355, Quân khu 2	1962	9/1982 7/2009	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội



24.	Nguyễn Hải Lý	Trung úy CN	Nguyên Thợ hàn, Công ty cổ phần xây lắp Thành An 665, Binh đoàn 11	1962	10/1978 8/2005	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
25.	Nguyễn Phạm Thọ	Thượng úy	Nguyên Trợ lý, Trung đoàn 99, Sư đoàn 384, Binh đoàn 12	1942	02/1964 10/1985	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
26.	Hoàng Đình Lĩnh	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý Tổ chức, Nhà máy A31, Cục kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1943	02/1961 8/1988	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
27.	Vũ Ngọc Lạc	Đại úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	4/1970 6/1993	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
28.	Nguyễn Văn Chiến	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1944	3/1964 7/1990	Xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
29.	Phạm Thị Lân	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên bảo quản, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1943	4/1967 9/1989	Xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
30.	Lê Xuân Cường	Trung úy CN	Nguyên Tổ trưởng, Xí nghiệp 22, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1943	4/1962 8/1987	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
31.	Nguyễn Đức Cường	Đại úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa thông tin VTĐ, Tiểu đoàn 18, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1952	12/1971 4/1992	Xã Nhân Hoà, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
32.	Nguyễn Xuân Thu	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý kiểm tra, Phòng Chính trị, Sư đoàn 8, Quân khu 5	1942	02/1964 12/1988	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
33.	Trần Huy Nguyên	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Chính trị, Lữ đoàn 134, Binh chủng Thông tin liên lạc	1947	9/1965 7/1988	Xã Nhân Hưng, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
34.	Nguyễn Đình Xuân	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1942	4/1962 8/1987	Xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
35.	Lê Văn Thông	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1955	3/1975 02/1998	Xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
36.	Đỗ Kim Tàn	Đại úy	Nguyên Phó Ban Hậu cần, Xí nghiệp 24, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1948	12/1966 11/1988	Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
37.	Đào Minh Ba	Thượng úy	Nguyên Đại đội phó, Xí nghiệp 56, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1953	01/1972 02/1992	Xã Định Liên, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa

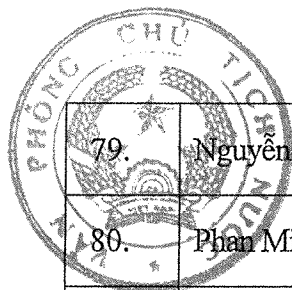


38.	Lê Huy Thúc	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Trung đoàn 681, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1951	5/1969 9/1992	Xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
39.	Lê Văn Thanh	Trung tá	Nguyên Trưởng ban kỹ thuật, Kho J106- Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	5/1979 12/1999	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
40.	Nguyễn Quốc Tiến	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho 286, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1958	8/1978 3/2000	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
41.	Nguyễn Xuân Trù	Đại úy	Nguyên Trưởng ban Quân nhu, Đoàn 7705, Mặt trận 479, Quân khu 7	1940	6/1965 5/1987	Xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
42.	Nguyễn Xuân Để	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Đặc công	1954	12/1972 12/1992	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
43.	Nguyễn Văn Hòa	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1960	5/1978 11/1998	Xã Lê Lợi, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
44.	Bùi Văn Dương	Đại úy	Nguyên Trợ lý hành chính, Trung đoàn 293, Sư đoàn 362, Quân chủng Phòng không	1956	5/1978 4/1999	Xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình
45.	Nguyễn Bá Doan	Đại úy CN	Nguyên thợ sửa chữa, Trường Hạ sĩ quan, ra da, Quân chủng Phòng không	1944	9/1965 10/1990	Xã Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
46.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá CN	Nguyên Y sĩ, Khoa B1, Bệnh viện Quân y 109, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1963	8/1981 9/2008	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội
47.	Đặng Thị Gái	Đại úy	Nguyên Bác sĩ, Bệnh xã, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1949	7/1968 7/1990	Xã Giao Tâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
48.	Ngô Thị Huệ	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Phòng Đào tạo Trường Sĩ quan Lục quân 1	1959	8/1978 8/2005	Xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
49.	Nguyễn Văn Đẩu	Thượng úy	Nguyên Trợ lý hậu cần, Đội tập huấn Cục vũ khí đạn, Tổng cục Kỹ thuật	1946	01/1966 02/1986	Xã Bắc Mực, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
50.	Nguyễn Sỹ Quyền	Đại úy CN	Nguyên Bệnh xá trưởng, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1959	6/1977 7/1998	Xã Tân Minh, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
51.	Trịnh Ngọc Hoàng	Thiếu tá	Nguyên Trưởng Ban Công trình, Phòng Công Binh, Bộ Tham mưu, Quân đoàn 3	1947	4/1970 12/1991	Xã Minh Tân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

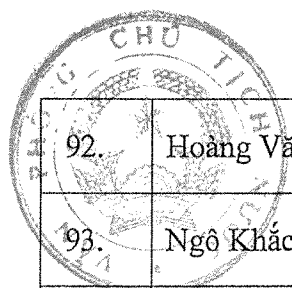


52.	Nguyễn Hồng Phong	Trung úy	Nguyên Đội trưởng, Đoàn 235, Quân khu 2	1950	4/1970 01/1991	Xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
53.	Vũ Thượng Hiền	Đại úy	Nguyên Trợ lý xe máy, Phòng Kỹ thuật, Sư đoàn 10, Quân đoàn 3	1953	8/1971 8/1992	Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
54.	Đồng Minh Ngo	Đại úy	Nguyên Giáo viên, Trường Cao đẳng công nghệ và kỹ thuật ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1953	5/1971 5/1993	Xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
55.	Nguyễn Đức Chung	Thượng úy CN	Nguyên thợ sửa chữa ô tô, Phòng Hậu cần, Binh chủng Đặc Công	1955	8/1972 8/1992	Xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
56.	Nguyễn Viết Túc	Đại úy	Nguyên Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1946	9/1965 02/1989	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
57.	Nguyễn Xuân Thọ	Đại úy	Nguyên Trợ lý huấn luyện, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1953	8/1971 10/1991	Phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
58.	Chu Thị Dương	Đại úy CN	Nguyên Chủ nhiệm Quân y, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1947	4/1965 4/1991	Xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
59.	Đỗ Xuân Bộ	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1944	01/1966 9/1991	Xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
60.	Đỗ Thị Kim Quế	Thượng tá CN	Nguyên Quản đốc, Phân xưởng sản xuất Trang cụ, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1996 4/2017	Xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
61.	Trần Văn Quyền	Thiếu tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Kho 854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1944	8/1964 4/1987	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
62.	Nguyễn Xuân Đỗ	Thiếu tá CN	Nguyên Trợ lý, Phòng Kinh tế, Cục Hậu cần, Quân khu 3	1950	8/1968 8/2001	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
63.	Nguyễn Thanh Hiền	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tài chính, Bộ Tham mưu, Quân khu 2	1948	9/1972 10/1995	Xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
64.	Cánh Chí Diện	Đại úy CN	Nguyên Thợ mộc, Công ty Xây lắp 665, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1958	8/1976 5/2007	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

65.	Nguyễn Công Hằng	Đại úy	Nguyên Trợ lý cán bộ, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1943	02/1964 12/1986	Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
66.	Phạm Minh Huệ	Trung tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên cơ khí, Viện Kỹ thuật quân sự, Quân chủng PK-KQ	1959	6/1982 6/2012	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
67.	Lê Hồng Vinh	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1952	02/1970 9/1992	Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
68.	Nguyễn Quốc Hân	Thiếu tá	Nguyên Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 881, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1952	5/1970 11/1992	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
69.	Nguyễn Thị Dậu	Đại úy CN	Nguyên Dược sĩ, Trạm 99, BTL Thủ đô Hà Nội	1958	8/1978 10/1999	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
70.	Lê Ngọc Sơn	Thiếu tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên X quang, Bệnh viện 354, Tổng cục Hậu cần	1956	02/1977 4/2008	Xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
71.	Trần Trọng Kỳ	Thượng tá	Nguyên Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Từ Liêm, Quân khu Thủ đô	1947	6/1965 11/1993	Xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
72.	Phạm Xuân Bằng	Thượng tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tham mưu, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin	1962	10/1981 12/2014	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
73.	Nguyễn Thị Hà	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Kho TH80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	4/1975 10/2001	Xã Đông Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
74.	Nguyễn Thị Thắm	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho TH80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	02/1975 10/2001	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
75.	Hán Văn Giản	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Phòng Hành chính - Hậu cần, Trung tâm bảo đảm vật tư, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1957	4/1975 10/1997	Xã Gia Thanh, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ
76.	Vũ Côi	Đại úy	Nguyên Trợ lý, Phòng Thông tin T67, Quân khu 7	1942	8/1964 6/1986	Xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
77.	Nguyễn Tiến Duyệt	Thượng úy CN	Nguyên Dược sĩ, Đoàn kho vận 708, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1947	4/1966 9/1990	Xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
78.	Hoàng Xuân Chính	Đại úy	Nguyên Trợ lý Kế hoạch, Đoàn 56, Binh đoàn 11	1956	11/1974 01/1995	Xã Phú Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội



79.	Nguyễn Thị Liên	Thiếu tá CN	Nguyên Kế toán tài chính, Bệnh viện 109, Quân khu 2	1954	5/1972 7/2001	Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
80.	Phan Minh Đức	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Ban Quân y, Đoàn 235, Quân khu 2	1950	8/1969 4/1990	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
81.	Nguyễn Tiến Cường	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Tiểu đoàn Huấn luyện, Sư đoàn 371, Quân chủng PK-KQ	1957	5/1975 12/1998	Thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng
82.	Lê Xuân Định	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa pháo, Kho K897, Cục quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1968	11/1996 10/2016	Xã Vực Trường, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
83.	Nguyễn Hải Nguyên	Đại úy CN	Lái xe Thiết giáp, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1977	10/1995	Xã Minh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
84.	Lưu Ngọc Tuyên	Đại úy CN	Nhân viên, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy BTL Thủ đô Hà Nội	1973	02/1995	Xã Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
85.	Nguyễn Quốc Long	Thiếu tá CN	Nhân viên Quân khí, Ban CHQS huyện Phú Xuyên, BTL Thủ đô Hà Nội	1979	02/1997	Xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
86.	Lê Sỹ Êm	Thiếu tá CN	Nguyên Trợ lý, Tiểu đoàn 8, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1956	10/1974 4/2007	Xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
87.	Nguyễn Văn Ty	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm khoa, Khoa giải phẫu bệnh lý, Bệnh viện Quân y 105, Tổng cục Hậu cần	1950	8/1968 01/1990	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
88.	Khuất Thị Hóa	Trung úy CN	Nguyên Y tá, Bệnh viện Quân y 105, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1950	9/1968 9/1989	Xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
89.	Cần Xuân Môn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên xăng dầu, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin	1958	6/1977 11/1998	Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
90.	Vũ Hồng Cẩm	Đại tá	Nguyên Bác sĩ, Khoa sốt rét- ký sinh trùng- côn trùng, Viện Y học dự phòng Quân đội, Cục Quân y	1959	9/1978 7/2015	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
91.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung tá	Nguyên Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1957	4/1975 10/2003	Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh



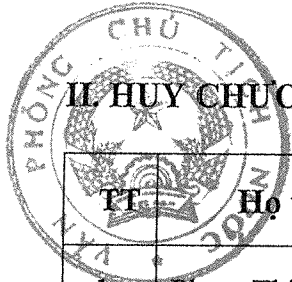
92.	Hoàng Văn Thắm	Thiếu tá CN	Nguyên Lái xe, Đại đội 8, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1962	3/1979 9/2010	Xã Đông Huy, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
93.	Ngô Khắc Thường	Trung tá	Nguyên Giáo viên khoa hậu cần, Học viện Hậu cần	1941	8/1964 02/1990	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
94.	Lê Mạnh Tiến	Trung tá	Nguyên Chuyên gia Tham mưu trưởng Trung đoàn Campuchia	1944	4/1962 9/1989	Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
95.	Nguyễn Văn Trung	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ xe, Ban kỹ thuật, Trung đoàn 293, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1962	9/1980 3/2007	Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
96.	Nguyễn Thanh Sâm	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng xe máy, Trung đoàn 669, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1951	12/1971 12/1991	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
97.	Nguyễn Văn Dăm	Thượng tá CN	Nguyên Trợ lý kỹ thuật, Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục Kỹ thuật	1949	5/1972 12/2001	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
98.	Khuất Thị Nhung	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Kế hoạch, Bệnh viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1948	12/1967 12/1993	Xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
99.	Phạm Đình Chiến	Thiếu tá	Nguyên Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Vụ Bản, Bộ CHQS tỉnh Nam Định	1953	12/1972 8/1993	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
100.	Nguyễn Đức Bệ	Trung tá	Nguyên Trợ lý nhân sự, Phòng Cán bộ, Cục Chính trị, Quân khu Thủ đô	1940	12/1965 8/1991	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
101.	Mai Xuân Lược	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý Kỹ thuật, Cục Kỹ thuật, Bộ đội Biên phòng	1944	9/1972 9/1999	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
102.	Lê Thị Thanh Hà	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên thống kê, Kho 813, Cục Hậu cần, BTL Thủ đô Hà Nội	1962	6/1980 12/2005	Xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
103.	Lê Văn Ky	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Xí nghiệp 197, Công ty vật tư Công nghiệp Quốc phòng, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1962	3/1981 6/2009	Xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
104.	Nông Duy Thông	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý Chính trị, Xưởng A34, Cục Kỹ Thuật, Quân chủng PK-KQ	1942	9/1962 11/1990	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng



105.	Phan Sĩ Hồng	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý hành chính, Xưởng A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1943	6/1965 9/1989	Xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
106.	Nguyễn Huy Toàn	Trung tá CN	Nguyên Đội trưởng đội xe, Học viện Khoa học quân sự, Tổng Cục 2	1957	02/1975 4/2007	Xã Liên Bạt, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
107.	Phạm Văn Giang	Thiếu tá	Giáo viên, Khoa Binh chủng, Trường Quân sự, BTL Thủ đô Hà Nội	1978	9/1998	Xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
108.	Nguyễn Thị Oanh	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1964	7/1996 8/2016	Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
109.	Phạm Thị Huyền	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên quản lý bếp, Tiểu đoàn 1, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1963	4/1981 9/2011	Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
110.	Vương Thị Ngọc	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trạm sửa chữa, Kho KV3, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1968	7/1996 10/2017	Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
111.	Đặng Quang Trung	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân huấn, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 28, , Quân chủng PK-KQ	1968	8/1986 5/2017	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
112.	Nguyễn Công Mỹ	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tổ chức, Bộ Tham mưu, Quân đoàn 14, Quân khu 1	1940	4/1962 01/1985	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
113.	Lê Văn Hùng	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	8/1972 12/1993	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
114.	Nguyễn Thị Tước	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	01/1972 12/1991	Xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
115.	Vũ Trung Tấn	Thiếu tá	Nguyên Quyền trưởng ban Hành chính, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	9/1967 02/1991	Xã Hạnh Phúc, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
116.	Lê Duy Ngọc	Trung tá	Nguyên Phó chỉ huy trưởng kiêm Tham mưu trưởng, Ban CHQS quận Hai Bà Trưng, BTL Thủ đô Hà Nội	1950	4/1970 11/1993	Xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
117.	Nguyễn Trọng Triển	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Bảo vệ - An ninh, Cục Chính trị, BTL Thủ đô Hà Nội	1940	4/1963 11/1988	Xã An Thượng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

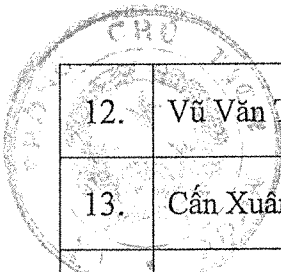
118.	Đào Thị Hồng Viên	Đại úy CN	Nguyên Kỹ thuật viên, Kho vi sinh vật, Viện vệ sinh phòng dịch, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1954	7/1971 11/1993	Xã Quyết Thắng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
119.	Nguyễn Như Hùng	Thiếu tá	Trợ lý Tham mưu, Ban CHQS quận Hai Bà Trưng, BTL Thủ đô Hà Nội	1978	9/1998	Xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
120.	Trịnh Viết Dũng	Thiếu tá	Trợ lý Binh chủng, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1975	9/1992	Xã Kim Định, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình
121.	Đỗ Tiến Dũng	Thiếu tá	Trợ lý Quân lực, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1977	3/1993	Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
122.	Phạm Văn Dương	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	3/1999	Xã Đông Động, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
123.	Phạm Quang Vinh	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1979	3/1999	Xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
124.	Nguyễn Thế Hữu	Thiếu tá CN	Nhân viên quân khí, Ban CHQS huyện Thường Tín, BTL Thủ đô Hà Nội	1979	3/1999	Xã Thắng Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
125.	Trịnh Văn Hải	Đại úy CN	Lái xe, Ban CHQS huyện Thường Tín, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	3/1999	Xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
126.	Trần Hữu Có	Thượng úy CN	Nhân viên hậu cần, Ban CHQS huyện Phú Xuyên, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	3/1999	Xã Quất Động, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
127.	Bùi Văn Hải	Đại úy	Trợ lý Tác huấn, Ban Tham mưu, Ban CHQS huyện Phúc Thọ	1979	3/1999	Xã Nhân Huệ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
128.	Nguyễn Mạnh Tú	Thượng úy CN	Y sĩ, Đại đội Quân y 24, Trung đoàn 692, Sư đoàn 301, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	02/1999	Xã Yên Cường, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

✍

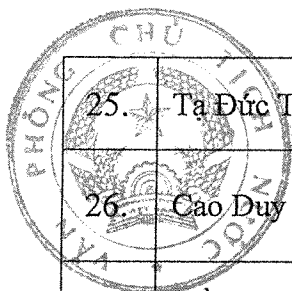


II. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VĨ VANG HẠNG NHÌ

STT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Phạm Thị Huệ	Trung tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên cơ khí, Viện Kỹ thuật quân sự, Quân chủng PK-KQ	1959	6/1982 6/2012	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
2.	Lê Hồng Vinh	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1952	02/1970 9/1992	Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
3.	Phạm Văn Sơn	Đại tá	Nguyên Trưởng phòng Quân nhu, Cục Hậu Cần, Quân Khu 1	1953	12/1972 5/2010	Xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
4.	Nguyễn Đình Vũ	Trung sĩ	Nguyên Chiến sĩ Đoàn An dưỡng 580	1941	02/1960 10/1976	Xã Vũ Công, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
5.	Nguyễn Thị Lan	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Viện Quân y 354, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1947	4/1968 6/1992	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
6.	Nguyễn Thị Phương Thùy	Đại úy	Nguyên Kế toán, Viện Quân y 354, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1951	11/1968 11/1993	Xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
7.	Nguyễn Thị Ёn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên hậu cần, Viện Quân y 354, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1950	6/1968 7/1992	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
8.	Võ Thị Thanh Hà	Trung tá	Nguyên Giáo viên, Học viện Kỹ thuật Quân sự	1955	3/1980 12/2010	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
9.	Bùi Thế Tăng	Thiếu úy CN	Nguyên Trắc thủ nạp nhiên liệu, Trung đoàn 263, Sư đoàn 367, Quân chủng Phòng không	1943	6/1965 10/1981	Xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
10.	Đoàn Thị Ngọc	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Hành chính, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1956	8/1974 9/1999	Xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
11.	Nguyễn Đắc Ước	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm quân y, Trung đoàn 24, sư đoàn 304, Quân đoàn 2	1953	5/1971 7/1992	Xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội



12.	Vũ Văn Túy	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Tiểu đoàn 93, Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Công binh	1965	8/1985 3/2002	Xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
13.	Cần Xuân Hoa	Thiếu úy CN	Nguyên Nhân viên hậu cần, Lữ đoàn 144, Binh đoàn 32, Bộ Tổng Tham mưu	1939	7/1967 9/1982	Xã Hương Ngải, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
14.	Nguyễn Văn Biểu	Thượng sĩ	Nguyên Chiến sĩ thông tin, Trường Trung học Kỹ thuật, Tổng cục Kỹ thuật	1952	7/1969 3/1985	Xã Kim Quang, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
15.	Kiều Công Thiện	Thượng tá	Nguyên Trưởng phòng tổ chức lao động, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1957	4/1975 5/2011	Xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
16.	Đào Trọng Nhâm	Thượng úy	Nguyên Đồn phó, Đồn 8 (Cái Chiên), Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh, Bộ Tư lệnh Biên phòng	1952	01/1972 12/1987	Xã Thái Thuần, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
17.	Phạm Văn Vắn	Đại úy	Nguyên Thuyền trưởng HQ702, Hải đoàn 129, Quân chủng Hải quân	1953	8/1972 12/1992	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
18.	Nguyễn Trọng Dương	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1958	6/1977 02/2000	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
19.	Lại Xuân Đông	Thượng úy	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị, Kho 93, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1947	5/1965 01/1988	Xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
20.	Nguyễn Duy Đồng	Đại úy	Nguyên Trợ lý Quân lực, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1954	8/1973 3/1997	Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
21.	Nguyễn Đức Nghĩa	Đại úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng về Chính trị, Đại đội 1, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1957	11/1977 3/2000	Xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
22.	Phạm Văn Nhượng	Thượng úy CN	Nguyên Thủ kho Vật tư, Kho 291, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1950	11/1972 11/1993	Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
23.	Đinh Văn Chính	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên bảo quản Xăng dầu, Kho 93, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1953	3/1975 3/2000	Xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
24.	Trần Văn Thái	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Ban Hậu cần, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1935	3/1954 02/1985	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình



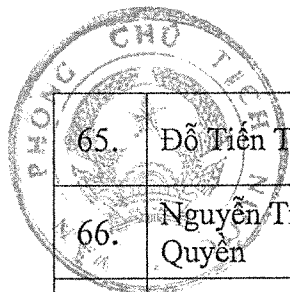
25.	Tạ Đức Thu	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm Hóa học, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 326, Quân khu 2	1952	12/1970 8/1988	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
26.	Cao Duy Thuận	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên bảo quản Vật tư, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1947	9/1965 11/1987	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
27.	Trần Xuân Sao	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1954	12/1972 6/1999	Phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
28.	Đỗ Thị Thêm	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Kho K91, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1960	10/1978 3/2000	Xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
29.	Trần Thị Liệng	Thiếu tá CN	Nguyên Tiểu đội trưởng phục vụ, Ban Hậu cần, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1962	7/1981 8/2008	Xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
30.	Tạ Thạc Tuấn	Trung úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe, Kho K814, Cục Kỹ thuật, Quân khu 2	1958	4/1975 12/1993	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
31.	Đỗ Tiến Minh	Trung úy CN	Nguyên Lái xe, Phòng Kỹ thuật, Trường Trung cấp Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1965	3/1986 5/2014	Xã Nam Giang, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
32.	Vũ Như Sính	Thượng úy CN	Nguyên Trợ lý, Kho K886, Tổng kho 767, Cục vũ khí đạn, Tổng cục Kỹ thuật	1957	02/1975 4/1990	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
33.	Chu Đức Sản	Trung tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn Không quân 918, Quân chủng Không quân	1947	6/1965 12/1990	Xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
34.	Hoàng Minh Tuấn	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Trung đoàn 683, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1953	5/1971 12/1988	Xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
35.	Nguyễn Văn Hải	Thượng úy CN	Nguyên thợ sửa chữa, Lữ đoàn 28, Quân chủng PK-KQ	1957	4/1975 6/1990	Xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
36.	Nguyễn Đức Mạnh	Trung úy	Nguyên Trợ lý xăng xe, Trung đoàn 662, Đoàn 330, Quân khu 3	1945	6/1966 8/1981	Xã Xuy Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
37.	Nguyễn Công Tạo	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Lữ đoàn 472, Binh đoàn 12	1955	5/1978 01/1999	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

7

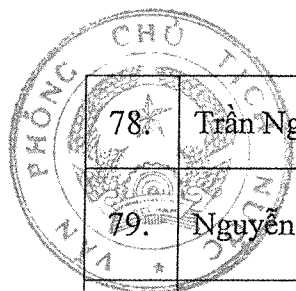
38.	Nguyễn Mạnh Thắng	Trung tá	Nguyên Trưởng ban Thống kê, Phòng quản lý Đảng, Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị	1945	9/1965 11/1989	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
39.	Đinh Hữu Hòa	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân lực, Trung đoàn 192, Sư đoàn 355, Quân khu 2	1962	9/1982 7/2009	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
40.	Trần Quang Thập	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên điện nước, Lữ đoàn 614, Binh chủng Thông tin liên lạc	1951	4/1970 8/1990	Phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
41.	Nguyễn Văn Mạc	Đại úy	Nguyên Trợ lý Tham mưu, Ban CHQS huyện Kỳ Sơn, Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình, Quân khu 3	1959	11/1978 01/2000	Xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
42.	Nguyễn Hải Lý	Trung úy CN	Nguyên thợ hàn, Công ty cổ phần xây lắp Thành An 665, Binh đoàn 11	1962	10/1978 8/2005	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
43.	Cao Đình Chuẩn	Thiếu tá CN	Nguyên thợ điện hóa, Xí nghiệp TBYT 130, công ty Dược và TTBYT Quân đội, Tổng cục Hậu cần	1960	5/1978 6/2009	Xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
44.	Nguyễn Văn Chính	Đại úy	Nguyên Trợ lý Chính sách, Trung đoàn 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1953	01/1971 12/1987	Phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
45.	Lê Thị Thanh	Đại úy CN	Nguyên Dược sĩ, Nhà máy A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1954	02/1975 12/1993	Xã Trần Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
46.	Nguyễn Xuân Trù	Đại úy	Nguyên Trưởng ban Quân nhu, Đoàn 7705, Mặt trận 479, Quân khu 7	1940	6/1965 5/1987	Xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
47.	Bùi Văn Thật	Đại úy	Nguyên Trợ lý Tổ chức, Ban Chính trị, Viện quân y 7, Cục Hậu cần, Quân khu 3	1950	6/1972 01/1990	Xã Thụy Hương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
48.	Tạ Viết Lộc	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe, Đoàn 56, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1954	5/1974 01/1991	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
49.	Nguyễn Xuân Đễ	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Đặc công	1954	12/1972 12/1992	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
50.	Lê Huy Thúc	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Trung đoàn 681, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1951	5/1969 9/1992	Xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An



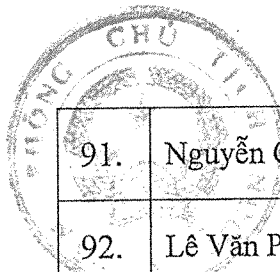
51.	Lê Văn Thanh	Trung tá	Nguyên Trưởng ban Kỹ thuật, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	5/1979 12/1999	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
52.	Nguyễn Thanh Sơn	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đoàn 25, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1957	3/1975 9/1990	Xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
53.	Nguyễn Xuân Thu	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý kiểm tra, Phòng Chính trị, Sư đoàn 8, Quân khu 9	1942	02/1964 12/1988	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
54.	Nguyễn Đình Xuân	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Kho J106-Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1942	4/1962 8/1987	Xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
55.	Lê Văn Thông	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đoàn 17, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1955	3/1975 02/1998	Xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
56.	Nguyễn Đức Cường	Đại úy CN	Nguyên thợ sửa chữa thông tin VTĐ, Tiểu đoàn 18, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1952	12/1971 4/1992	Xã Nhân Hà, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
57.	Đỗ Xuân Liệu	Đại úy	Nguyên Trợ lý tuyên huấn, Trung đoàn 102, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1953	12/1971 8/1988	Xã Hoàng Tiến, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
58.	Nguyễn Hữu Quỳnh	Đại úy	Nguyên Tiểu đoàn phó, Tiểu đoàn 1, Lữ đoàn 289, Bộ Tư lệnh Công binh	1956	4/1974 8/1989	Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
59.	Hoàng Gia Chuyền	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Tổng công ty 36	1944	3/1967 10/1993	Xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
60.	Lê Xuân Cường	Trung úy CN	Nguyên Tổ trưởng, Xí nghiệp 22, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1943	4/1962 8/1987	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
61.	Phạm Ngọc Nha	Thượng úy CN	Nguyên Thợ hàn, Đoàn 56, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1952	3/1975 11/1992	Xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
62.	Lê Bá Chính	Đại úy	Nguyên Trợ lý, Văn phòng Đảng ủy, Xưởng A31, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1955	10/1974 4/1990	Xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
63.	Nguyễn Văn Chiến	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1944	3/1964 7/1990	Xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
64.	Vũ Ngọc Lạc	Đại úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	4/1970 6/1993	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương



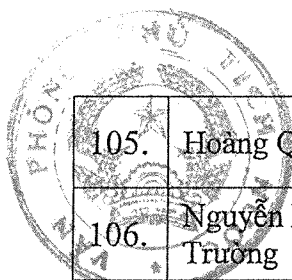
65.	Đỗ Tiến Thành	Đại úy CN	Nguyên Xưởng Pháo, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1949	3/1967 6/1993	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
66.	Nguyễn Trọng Quyền	Thiếu tá CN	Nguyên Phó trưởng Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	7/1971 8/2004	Xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
67.	Đỗ Phú Mạc	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1957	8/1976 6/1993	Xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
68.	Đào Xuân Anh	Đại úy CN	Nguyên Quản lý Hậu cần, Đoàn ca múa quân đội, Tổng cục Chính trị	1954	02/1975 4/1994	Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
69.	Nguyễn Xuân Thi	Đại úy	Nguyên Trợ lý tổ chức động viên, Đoàn 7706, Mặt trận 779, Quân khu 7	1955	02/1973 10/1988	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
70.	Nguyễn Phương Đăng	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ điện, Trung đoàn 406, Quân khu 2	1953	5/1971 8/1998	Xã Đồng Lạc, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
71.	Nguyễn Phạm Thọ	Thượng úy	Trợ lý, Trung đoàn 99, Sư đoàn 384, Binh đoàn 12	1942	02/1964 10/1985	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
72.	Nguyễn Đăng Nhón	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý tăng gia, Phòng Hậu cần, Bộ CHQS tỉnh Hà Tây	1950	04/1968 11/1993	Xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
73.	Nguyễn Trung Kỳ	Thiếu tá	Nguyên Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 494, Sư đoàn 5, Mặt trận 479, Quân khu 7	1945	01/1966 8/1987	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
74.	Nguyễn Văn Hải	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên quân vận, Lữ đoàn 971, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1966	8/1985 8/2011	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
75.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá CN	Nguyên Y sĩ, Bệnh viện Quân y 109, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1963	8/1981 9/2008	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
76.	Nguyễn Văn Dăm	Thượng tá	Nguyên Trợ lý Kỹ thuật, Trung tâm sửa chữa PTĐ/Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1949	5/1972 12/2001	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
77.	Nguyễn Hồng Phong	Trung úy	Nguyên Đội trưởng, Đoàn 235, Quân khu 2	1950	4/1970 12/1990	Xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội



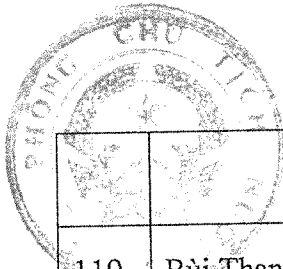
78.	Trần Ngọc Lục	Thượng tá	Nguyên Phó Trưởng phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc	1948	6/1965 12/1993	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
79.	Nguyễn Đức Hạnh	Đại úy	Nguyên Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 299, Trung đoàn Ra đa 295, Sư đoàn 363, Quân chủng PK-KQ	1946	12/1966 12/1988	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
80.	Lê Thanh Lại	Đại úy	Nguyên Trợ lý Hậu cần, Trung đoàn 17, Binh đoàn 12	1955	12/1974 7/1992	Xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
81.	Đặng Thị Gái	Đại úy	Nguyên Bác sĩ, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1949	7/1968 7/1990	Xã Giao Tâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
82.	Nhâm Xuân Lãnh	Thượng tá	Nguyên Phó Chỉ huy trưởng Động viên, Ban CHQS quận Hoàn Kiếm, BTL Thủ đô Hà Nội	1957	01/1974 02/2008	Xã Thái Thọ, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
83.	Nguyễn Viết Túc	Đại úy	Nguyên Trưởng Ban Hậu cần - Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Đan Phượng, Bộ CHQS tỉnh Hà Tây, Quân khu Thủ đô	1946	9/1965 01/1989	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
84.	Tạ Văn Phòng	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Dân vận, Trung đoàn 266, Sư đoàn 313, Quân khu 2	1943	8/1964 10/1981	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
85.	Trần Văn Quyến	Thiếu tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị, Kho 854, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1944	8/1964 4/1987	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
86.	Nguyễn Xuân Đỗ	Thiếu tá CN	Nguyên Trợ lý, Phòng Kinh tế, Cục Hậu cần, Quân khu 3	1950	8/1968 8/2001	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
87.	Nguyễn Văn Nhâm	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Đại đội 24, Trung đoàn 198, Quân khu 1	1953	12/1970 12/1987	Xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
88.	Nguyễn Thanh Hiền	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tài chính, Bộ Tham mưu, Quân khu 2	1948	9/1972 10/1995	Xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
89.	Lê Hoàng Đức	Đại úy	Nguyên Trợ lý Huấn luyện, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1948	12/1970 02/1989	Xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
90.	Cảnh Chí Diện	Đại úy CN	Nguyên Thợ mộc, Công ty Xây lắp 665, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1958	8/1976 5/2007	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội



91.	Nguyễn Chí Thái	Đại úy	Nguyên Trợ lý Quân lương, Phòng Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân đoàn 2	1954	5/1972 5/1989	Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
92.	Lê Văn Phán	Thiếu tá CN	Nguyên Phó Tổ trưởng sản xuất, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1966	8/1985, 10/2016	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
93.	Kiều Thị Hoa	Thiếu tá CN	Nguyên Thủ kho vật tư, Kho K680, Cục quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1962	01/1981 7/2010	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
94.	Phan Tiến Nghi	Đại úy	Nguyên Trưởng Ban Cơ yếu, Sư đoàn 3, Quân khu 1	1943	9/1965 8/1984	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
95.	Nguyễn Quang Trung	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Ban hành chính Hậu cần, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1953	02/1975 06/1990	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
96.	Trần Văn Cốc	Trung úy CN	Nguyên Nhân viên, Nhà máy Z119, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1947	02/1966 12/1984	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
97.	Quách Công Phương	Đại úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng, Trung đoàn 58, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1960	9/1982 01/1998	Xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa
98.	Đinh Trọng Oánh	Đại úy	Nguyên Trợ lý chính trị, Kho K205, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần	1945	01/1972 4/1989	Xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
99.	Nguyễn Thị Thắm	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho tổng hợp 80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	02/1975 10/2010	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
100.	Nguyễn Thị Hà	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho tổng hợp 80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	4/1975 10/2001	Xã Đông Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
101.	Lê Hồng Sơn	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Tham mưu, Ban CHQS quận Bắc Từ Liêm, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	02/2001	Xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
102.	Nguyễn Hữu Ninh	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Đoàn kho vận tải kho 205, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần	1958	11/1977 12/1994	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
103.	Phạm Xuân Bằng	Thượng tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tham mưu - kế hoạch, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1962	10/1981 2/2014	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
104.	Trần Trọng Kỳ	Thượng tá	Nguyên Chỉ huy trưởng, Ban CHQS huyện Từ Liêm, BTL Thủ đô Hà Nội	1947	6/1965 11/1993	Xã Hợp Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

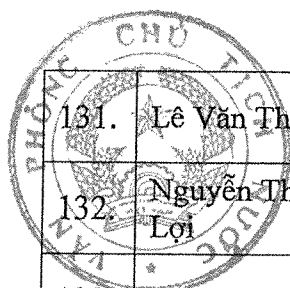


105.	Hoàng Quang Tuyên	Trung úy CN	Nhân viên bảo quản, Kho K91, Cục Kỹ thuật, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	02/2001	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
106.	Nguyễn Xuân Trường	Thượng úy CN	Nguyên Trợ lý tác nghiệp, Kho 205, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần	1958	8/1978 11/1993	Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
107.	Nguyễn Công Tân	Thiếu úy CN	Nguyên nhân viên kỹ thuật, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp quốc phòng	1943	4/1965 6/1980	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
108.	Bùi Văn Hợp	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm Công binh, Lữ đoàn 241, Quân đoàn 1	1957	02/1975 6/1991	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
109.	Bùi Đăng Đồng	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý, Ban CHQS huyện Mỹ Đức, BTL Thủ đô Hà Nội	1940	4/1966 5/1984	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
110.	Lê Công Tuấn	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý quân nhu, Ban CHQS huyện Ứng Hòa, BTL Thủ đô Hà Nội	1944	11/1961 11/1981	Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
111.	Lưu Tiến Quát	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm Thông tin, Sư đoàn 286, mặt trận 479, T67, Quân khu 7	1947	4/1965 10/1988	Xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
112.	Phan Minh Đức	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Ban quân y, Đoàn 235, Quân Khu 2	1950	8/1969 3/1990	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
113.	Phạm Văn Độ	Đại úy	Nguyên Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn 888, Bộ CHQS tỉnh Lai Châu, Quân khu 2	1953	4/1974 12/1989	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
114.	Đàm Hữu Long	Đại úy	Nguyên Bác sĩ, Trung đoàn 544, Quân khu Thủ đô	1952	12/1970 11/1986	Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
115.	Nguyễn Thị Liên	Thiếu tá CN	Nguyên Kế toán, Bệnh viện 109, Cục Hậu cần, Quân Khu 2	1954	5/1972 7/2001	Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
116.	Hoàng Xuân Chinh	Đại úy	Nguyên Trợ Lý kế hoạch, Đoàn 56, Binh đoàn 11	1956	11/1974 02/1995	Xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
117.	Nguyễn Văn Tụ	Thượng úy CN	Nguyên Quân y sĩ, Trường Quân chính, Binh đoàn 12	1954	8/1973 9/1989	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
118.	Nguyễn Văn Chanh	Đại úy CN	Nguyên Tổ trưởng kiểm tra khách quan, Tiểu đoàn bảo đảm kỹ thuật hàng không, Trung đoàn 921, Sư đoàn 371, Quân	1957	02/1975 10/1998	Xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

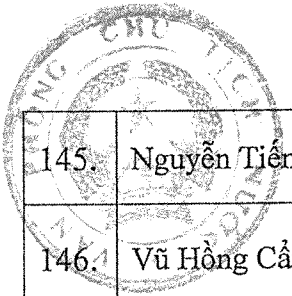


			chủng PK-KQ			
119.	Bùi Thanh Lai	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý Hành chính, Học viện PK-KQ, Quân chủng PK-KQ	1952	3/1975 7/1991	Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
120.	Đồng Minh Ngọ	Đại úy	Nguyên phó đại đội trưởng Chính trị, Trường cao đẳng công nghệ và kỹ thuật ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1953	5/1971 6/1989	Xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
121.	Nguyễn Đức Hùng	Thượng úy CN	Nguyên thợ sửa chữa, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Đặc công	1955	8/1972 7/1992	Xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
122.	Nguyễn Thị Dậu	Đại úy CN	Nguyên Dược sĩ, Trạm khách 99, Bộ Tham mưu, Quân khu Thủ đô	1958	8/1978 11/1999	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
123.	Lê Ngọc Sơn	Thiếu tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên XQ, Bệnh viện 354, Tổng cục Hậu cần	1956	02/1977 5/2008	Xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
124.	Nguyễn Văn Vồn	Thượng tá	Trưởng Phòng Hành chính - Tổ chức, Trung tâm giáo dục Quốc phòng và An Ninh, Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội	1967	3/1986	Xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
125.	Nguyễn Văn Sinh	Thiếu tá	Trợ lý Tác huấn, Ban CHQS huyện Hoài Đức, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	9/2002	Xã Xuân Thượng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
126.	Nguyễn Văn Ton	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Hậu cần, Tiểu đoàn 668, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1952	4/1970 5/1986	Xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
127.	Lê văn Long	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên kỹ thuật, Lữ đoàn 394, Binh đoàn 11	1957	8/1976 9/1991	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
128.	Nguyễn Thành Công	Thiếu tá	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	9/2002	Phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
129.	Lê Đình Sơn	Thượng úy CN	Y sĩ, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	02/2003	Xã Hiền Giang, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
130.	Lê Hoài Nam	Thượng úy CN	Trinh sát viên, Đại đội Trinh sát, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	02/2003	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

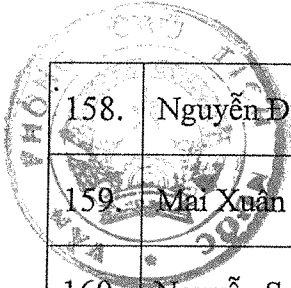
th



131.	Lê Văn Thái	Trung úy CN	Phụ trách Trung đội Thông tin, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	02/2003	Xã Hòa Chính, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
132.	Nguyễn Thị Thanh Lợi	Thượng úy CN	Nhân viên quản lý, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1981	12/2003	Phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình
133.	Dương Văn Cường	Thượng úy CN	Trinh sát viên, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	02/2003	Xã Bắc Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
134.	Hoàng Đức Xuyên	Thượng úy CN	Trinh sát viên, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1983	02/2003	Xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
135.	Nguyễn Văn Tuấn	Thượng úy	Nguyên Nguyên Trợ lý tác chiến, Trung đoàn 42, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4	1956	5/1974 7/1989	Xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
136.	Lê Công An	Thượng úy	Nguyên Nguyên Trợ lý tác chiến, Nhà máy Z121, Tổng cục Kỹ thuật	1943	11/1964 10/1982	Xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
137.	Nguyễn Văn Tuệ	Thượng úy CN	Nguyên Nguyên Y sĩ, Đội vệ sinh phòng dịch, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1954	5/1971 5/1989	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
138.	Lê Sỹ Êm	Thiếu tá CN	Nguyên Trợ lý, Tiểu đoàn 8, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1956	10/1974 4/2007	Xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa
139.	Nguyễn Văn Ty	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm khoa, Khoa giải phẫu bệnh lý, Bệnh viện Quân y 105, Tổng cục Hậu cần	1950	8/1968 01/1990	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
140.	Nguyễn Văn Hợi	Thiếu úy CN	Nguyên Y sĩ, Cục Hậu cần, Binh chủng Công binh	1947	01/1966 9/1981	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
141.	Nguyễn Văn Quế	Thượng úy	Nguyên Trợ lý, Trung đoàn 196, Sư đoàn 338, Quân đoàn 14, Quân khu 1	1953	5/1972 5/1987	Xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
142.	Khuất Thị Hóa	Trung úy CN	Nguyên Y tá, Bệnh viện Quân y 105, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1950	9/1968 9/1989	Xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
143.	Cán Xuân Môn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên xăng dầu, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1958	6/1977 11/1998	Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
144.	Nguyễn Trần Nghi	Thượng tá	Nguyên Trợ Lý, Phòng Châu Âu, Cục Đối ngoại	1959	8/1996 8/2011	Xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định

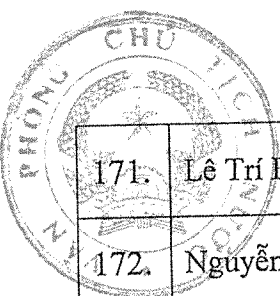


145.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung tá	Nguyên Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 250, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1957	4/1975 10/2003	Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
146.	Vũ Hồng Cẩm	Đại tá	Nguyên Bác sĩ, Khoa sốt rét- ký sinh trùng- côn trùng, Viện Y học dự phòng Quân đội, Cục Quân y	1959	9/1978 7/2015	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
147.	Hoàng Văn Thám	Thiếu tá CN	Nguyên Lái xe, Đại đội 8, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1962	3/1979 9/2010	Xã Đông Huy, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
148.	Trần Thị Hồng	Chuẩn úy	Nguyên Dược sĩ, Xí nghiệp xây dựng 244 công ty xây dựng công trình hàng không ACC, Quân chủng PK-KQ	1957	02/1975 02/1990	Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
149.	Nguyễn Văn Phiệt	Trung úy CN	Nguyên thợ sửa chữa thông tin, Ban Tham mưu, Trung đoàn 141, Sư đoàn 3, Quân đoàn 14	1947	02/1966 01/1984	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
150.	Nguyễn Thị Liễu	Thiếu úy CN	Nguyên Nhân viên Hậu cần, Kho 205, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần	1950	4/1968 12/1992	Xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
151.	Nguyễn Văn Trung	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ xe, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 293, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1962	9/1980 3/2007	Xã Đại Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
152.	Kiều Văn Minh	Trung úy CN	Nguyên Y tá, Xí nghiệp 56, Đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1957	4/1975 6/1990	Phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
153.	Ngô Khắc Thường	Trung tá	Nguyên Giáo viên, Khoa Hậu cần, Học viện Hậu cần	1941	8/1964 02/1990	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
154.	Nguyễn Thanh Sâm	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Trung đoàn 669, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1951	12/1971 12/1991	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
155.	Lê Văn An	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Lữ đoàn 168, Quân khu 2	1957	10/1976 12/1991	Phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
156.	Tổng Nguyên Hanh	Thượng úy CN	Nguyên Giáo viên kỹ thuật, Trường Trung học Kỹ thuật, Tổng cục Kỹ thuật	1950	9/1970 9/1988	Xã Đức Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
157.	Phạm Đình Chiến	Thiếu tá	Nguyên Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Vụ Bản, Bộ CHQS tỉnh Nam Định, Quân khu 3	1953	12/1972 8/1993	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định

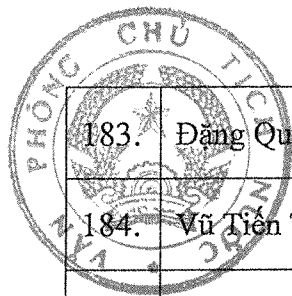


158.	Nguyễn Đức Bệ	Trung tá	Nguyên Trợ lý nhân sự, Phòng Cán bộ, Cục Chính trị, Quân khu Thủ đô	1940	12/1965 8/1991	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
159.	Mai Xuân Lược	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý Kỹ thuật, Cục Kỹ thuật, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng	1944	9/1972 9/1999	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
160.	Nguyễn Sơn Hà	Đại tá	Nguyên Giám đốc, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1944	5/1965 10/2004	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
161.	Phan Sĩ Hồng	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý hành chính, Xưởng A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1943	6/1965 9/1989	Xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
162.	Nông Duy Thông	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý Chính trị, Xưởng A34, Cục Kỹ Thuật, Quân chủng PK-KQ	1942	9/1962 11/1990	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
163.	Lê Thị Thanh Hà	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên thống kê, Kho 813, Cục Hậu cần, BTL Thủ đô Hà Nội	1962	6/1980 11/2005	Xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
164.	Vũ Văn Hiến	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ sửa chữa, Tiểu đoàn 22, Cục Hậu cần-Kỹ thuật, Bộ đội Biên phòng	1948	7/1968 9/2000	Xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
165.	Đỗ Thị Chung	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ nguội, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	3/1985 9/2016	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
166.	Doãn Huy Hoài	Trung tá	Nguyên Giáo viên khoa pháp luật, Học viện Biên Phòng, Bộ đội Biên phòng	1957	10/1975 7/2011	Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
167.	Phạm Thanh Hải	Trung tá CN	Nguyên Giáo Viên Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1962	3/1983 8/2013	Xã Hải Giang, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
168.	Trần Thị Dương	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên thủ kho, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1957	4/1997 5/2014	Xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
169.	Nguyễn Văn Bình	Trung úy CN	Lái xuồng, Đại đội 25, Trung đoàn 692, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	3/2002	Xã Phương Đình, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
170.	Lê Xuân Mai	Thượng tá	Nguyên Tiểu đoàn trưởng, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1960	8/1978 8/2012	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

✱



171.	Lê Trí Bách	Trung tá CN	Nguyên Giáo viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/1981 11/2016	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
172.	Nguyễn Văn Sơn	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/1980 5/2012	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
173.	Đinh Xuân Nam	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Nhà khách, phòng Tham mưu, Học viện Phòng không - không Quân, Quân chủng PK-KQ	1955	02/1975 4/2013	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
174.	Phạm Hữu Thùy	Trung úy	Nguyên Đại đội trưởng, Ban CHQS quận Đống Đa, Bộ CHQS thành phố Hà Nội, Quân khu Thủ đô	1942	10/1963 7/1981	Xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
175.	Lê Văn Hùng	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	8/1972 12/1993	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
176.	Nguyễn Thị Tước	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên Thống kê, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	01/1972 12/1991	Xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
177.	Vũ Trung Tấn	Thiếu tá	Nguyên Quyền trưởng ban Hành chính, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	9/1967 02/1991	Xã Hạnh Phúc, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
178.	Nguyễn Thị Minh Thu	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	3/1982 8/2014	Phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
179.	Lương Thị Hằng	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	4/1981 8/2011	Phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
180.	Đào Thị Hồng Viên	Đại úy CN	Nguyên Kỹ thuật viên, Khoa vi sinh vật, viện Vệ sinh phòng dịch Quân đội, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1954	7/1971 11/1993	Xã Quyết Thắng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
181.	Đỗ Thị Tuyết	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Trung đoàn 32, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1957	02/1975 10/1993	Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
182.	Phạm Thế Hùng	Đại úy	Trợ lý, Ban Tuyên huấn, Phòng Chính trị, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	3/2002	Xã Diễn Phúc, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An



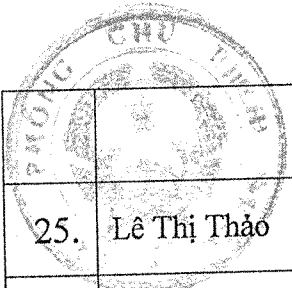
183.	Đặng Quang Trung	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân huấn, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 28, Quân chủng PK-KQ	1968	8/1986 5/2017	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
184.	Vũ Tiến Trường	Đại úy	Nguyên Trợ lý Chính trị, Viện Khảo sát thiết kế, Binh đoàn 12	1953	5/1968 11/1988	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
185.	Phạm Thị Huyền	Trung tá CN	Nguyên Quản lý Tiểu đoàn, Trường Trung cấp Kỹ thuật Xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	4/1981 9/2011	Xã Tiến Dũng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
186.	Lê Tuấn Anh	Đại úy	Trợ lý, Ban Tham mưu, Ban CHQS thị xã Sơn Tây, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	02/2001	Phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
187.	Đỗ Văn Hiếu	Đại úy	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103, BTL Thủ đô Hà Nội	1985	02/2004	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
188.	Lê Hoàng Nam	Trung úy CN	Trình sát viên, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	02/2004	Phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
189.	Nguyễn Vĩ Đại	Trung úy CN	Nhân viên Thủ quỹ, Ban CHQS huyện Thạch Thất, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	02/2003	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
190.	Nguyễn Văn Thịnh	Trung úy CN	Lái xe, Ban CHQS huyện Thạch Thất, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	02/2003	Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
191.	Nguyễn Duy Khánh	Đại úy	Trợ lý Chính trị, Phòng Tham mưu, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1985	02/2004	Xã Xuân Hòa, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
192.	Trần Viết Đoàn	Đại úy	Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 18, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1985	02/2004	Xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
193.	Nguyễn Văn Tú	Thượng úy	Đại đội trưởng, Đại đội 29, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1983	02/2004	Xã Hoàng Kim, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
194.	Cao Văn Tùng	Đại úy	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn BB2, Trung đoàn BB59, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1985	02/2004	Xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
195.	Hoàng Duy Tiên	Đại úy	Trợ lý Tác huấn, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1985	02/2004	Xã Phú Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
196.	Nguyễn Quý Hưng	Đại úy	Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn BB3, Trung đoàn BB59, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1983	02/2003	Xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
197.	Đỗ Minh Hợp	Đại úy	Trợ lý cán bộ, Ban CHQS huyện Đan Phượng, BTL Thủ đô Hà Nội	1983	9/2003	Phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

III. HUY CHƯƠNG CHIẾN SĨ VỆ VANG HẠNG BA

TT	Họ và tên	Cấp bậc	Chức vụ, đơn vị	Năm sinh	Nhập ngũ	Quê quán
1.	Nghiêm Xuân Thủy	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Đại đội 14, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3, Quân khu 1	1959	5/1978 7/1990	Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
2.	Nguyễn Quốc Hân	Thiếu tá	Nguyên Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 881, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1952	5/1970 12/1992	Xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
3.	Phạm Minh Huệ	Trung tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên, Viện Kỹ thuật quân sự PK-KQ, Quân chủng PK-KQ	1959	6/1982 6/2012	Xã Văn Quán, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
4.	Lê Hồng Vinh	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1952	02/1970 9/1992	Xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
5.	Phạm Văn Sơn	Đại tá	Nguyên Trưởng phòng, Phòng Quân nhu, Cục Hậu Cần, Quân Khu 1	1953	12/1972 5/2010	Xã Quỳnh Vinh, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
6.	Nguyễn Sĩ Hương	Thượng tá	Nguyên Trợ lý, Phân Viện Vật lý kỹ thuật, Viện Điện tử Viễn thông, Trung tâm Khoa học KT&CN Quân sự	1950	02/1976 6/2006	Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
7.	Nguyễn Thị Phương Thủy	Đại úy CN	Nguyên Kế toán trung học, Viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1951	11/1968 12/1993	Xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
8.	Lê Thị Lan	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1947	4/1968 6/1992	Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
9.	Nguyễn Đình Vũ	Trung sĩ	Nguyên Chiến sĩ Đoàn an dưỡng 580	1941	02/1960 10/1976	Xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
10.	Nguyễn Thị Ёn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên hậu cần, Viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1950	6/1968 6/1992	Xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội

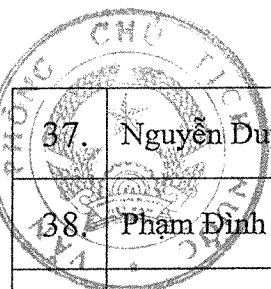


11.	Võ Thị Thanh Hà	Trung tá	Nguyên Giáo viên, Bộ môn vật lý, hóa lý kỹ thuật, Học viện Kỹ thuật Quân sự	1955	3/1980 11/2010	Xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An
12.	Lê Thị Thanh	Chuẩn úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban kiến thiết công trình 75.325, Học viện Kỹ thuật Quân sự	1958	02/1975 3/1986	Xã Đa Tôn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
13.	Nguyễn Hồng Lâm	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Đại đội 24, Trung đoàn 27, Sư đoàn 390, Quân đoàn 1	1953	10/1976 9/1989	Xã Đa Tôn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
14.	Lê Thị An	Trung tá CN	Nguyên Kế toán, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1959	7/1998 7/2008	Xã Sơn An, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
15.	Nguyễn Thị Lan	Trung tá CN	Nguyên Kế toán, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1956	7/1998 6/2009	Xã Phú Lộc, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
16.	Kiều Công Thiện	Thượng tá CN	Nguyên Trưởng phòng tổ chức lao động, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1957	4/1975 6/2011	Xã Yên Khê, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
17.	Vũ Công Cẩn	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1956	4/1974 6/2008	Xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
18.	Trần Văn Thù	Thượng tá	Nguyên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 679, Lữ đoàn 971, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1964	3/1982 3/2017	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
19.	Nguyễn Thị Mến	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Kho, Phân xưởng cơ khí, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1957	3/1975 5/2008	Xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
20.	Cù Xuân Hòa	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa Tăng Thiết giáp, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1963	5/1981 6/2012	Xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ
21.	Trần Quang Vinh	Thượng tá CN	Nguyên Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng ủy, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1954	10/1995 02/2007	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
22.	Nghiêm Phi Long	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên Kỹ thuật, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1964	12/1996 9/2010	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
23.	Đào Trọng Nhâm	Thượng úy	Nguyên Đồn phó, Đồn 8 (Cái Chiên), Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh, Bộ Tư lệnh Biên phòng	1952	01/1972 12/1987	Xã Thái Thuần, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
24.	Phạm Văn Vắn	Đại úy	Nguyên thuyền trưởng Tàu HQ702, Hải đoàn 129, Cục Kinh tế, Quân chủng	1953	8/1972 01/1993	Xã Gia Tân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

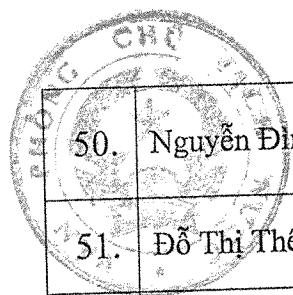


			Hải Quân			
25.	Lê Thị Thảo	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên kỹ thuật, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/1998 6/2009	Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
26.	Nguyễn Văn Bình	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ tiện, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1956	4/1974 7/2008	Xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang
27.	Vũ Quang Cấp	Trung úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa Vô Tuyến điện, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1948	11/1967 10/1983	Xã Lê Bình, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
28.	Nguyễn Văn Tiếp	Thượng tá CN	Nguyên Trưởng phòng cơ điện, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1949	02/1966 01/2002	Xã Cao Thành, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
29.	Nguyễn Trọng Dương	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ Bệnh xá, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1958	6/1977 02/2000	Xã Yên Tiến, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
30.	Nguyễn Thị Vương	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên thống kê, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1956	4/1996 6/2008	Xã Ngọc Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
31.	Nguyễn Thị Lý	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Bảo quản Xăng dầu, Kho K93, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1963	4/1996 11/2008	Xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
32.	Đỗ Thanh Hương	Thượng sĩ	Nguyên chiến sĩ, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1943	4/1966 7/1976	Xã Giao Yên, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
33.	Trần Thị Lụa	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1963	01/1995 7/2008	Xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
34.	Đinh Thị Lan	Thiếu tá CN	Nguyên Tiểu đội trưởng, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1963	01/1995 11/2008	Xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
35.	Phan Thị Giới	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1964	01/1995 7/2008	Xã Hòa Thắng, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
36.	Đoàn Thị Ngẫu	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên thủ quỹ, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1962	12/1996 6/2008	Xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

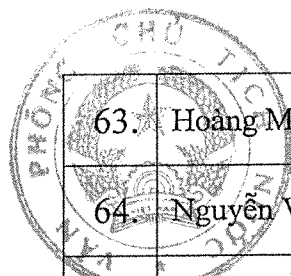
✱



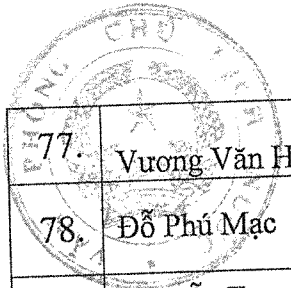
37.	Nguyễn Duy Đồng	Đại úy	Nguyên Trợ lý Quân lực, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1954	8/1973 3/1997	Xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình
38.	Phạm Đình Tường	Thượng sĩ	Nguyên thợ sửa chữa, Trung đoàn 216, Sư đoàn 365, Quân chủng PK-KQ	1943	02/1964 9/1975	Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
39.	Vũ Thị Thuận	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên thống kê chính trị, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1959	7/1998 6/2009	Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
40.	Phạm Văn Nhượng	Thượng úy CN	Nguyên Thủ kho vật tư, Kho 291, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1950	11/1972 11/1993	Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
41.	Nguyễn Thị Lung	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên thống kê, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1960	4/1996 11/2008	Xã Hồng Thái, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
42.	Nguyễn Ngọc Thề	Thượng sĩ	Nguyên Cán bộ hành chính, Nhà máy Z153, Tổng cục Kỹ thuật	1945	8/1963 5/1976	Xã Nghi Hòa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
43.	Đinh Văn Chính	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên bảo quản xăng dầu, Kho K93, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1953	3/1975 02/2000	Xã Mỹ Lương, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
44.	Nguyễn Thị Hường	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên bảo quản vật tư xăng dầu, Kho K91, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1962	01/1995 9/2008	Xã Hùng Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
45.	Phùng Huy Toàn	Đại úy	Nguyên Trợ lý, Tiểu đoàn 384, Cục Ô tô máy kéo trạm nguồn, Tổng cục Kỹ thuật	1964	9/1982 02/1993	Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
46.	Phạm Thị Chiêm	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1959	01/1995 8/2008	Xã Văn Tổ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương
47.	Trần Văn Thái	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1935	3/1954 02/1985	Xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
48.	Đoàn Thị Thoa	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1963	01/1995 11/2008	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
49.	Cao Duy Thuận	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1947	9/1965 11/1987	Xã Phong Châu, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình



50.	Nguyễn Đình Hành	Thiếu tá CN	Nguyên Tiểu đội trưởng vận hành máy bơm xăng dầu, Kho K93, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1962	01/1995 12/2005	Xã Định Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
51.	Đỗ Thị Thêm	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Kho K91, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1960	10/1978 02/2000	Xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
52.	Đinh Thị Ngoan	Thiếu tá CN	Nguyên Tiểu đội trưởng bảo quản xăng dầu, Tổng kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1963	01/1995 6/2008	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
53.	Vũ Như Sính	Thượng úy	Nguyên Trợ lý, Kho 886, Tổng kho 767, Cục vũ khí đạn, Tổng cục Kỹ thuật	1957	02/1975 4/1990	Xã Thụy Trình, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
54.	Phạm Đình Tám	Chuẩn úy CN	Nguyên Trung đội trưởng, đại đội 9, Trường quản lý, Xí nghiệp 1, Tổng cục Hậu cần	1944	10/1963 8/1974	Xã Hà Ngọc, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
55.	Trần Văn Pho	Đại úy	Nguyên Đại đội phó Chính trị, Đại đội 64, Tiểu đoàn 410, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1954	4/1972 12/1987	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
56.	Trần Thanh Phong	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, đại đội 10, tiểu đoàn 4, Lữ đoàn 168, Quân khu 2	1965	9/1983 9/1994	Xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
57.	Nguyễn Văn Tứ	Trung úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đội 1, Trung đoàn 219, Quân đoàn 2	1964	3/1984 10/1995	Xã Xuân Canh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
58.	Chu Đức Sản	Trung tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị, Trung đoàn không quân 918, Quân chủng PK-KQ	1947	6/1965 11/1990	Xã Liên Hà, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
59.	Đỗ Hồng Quân	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Kho K22, Cục Kỹ thuật, Quân khu 1	1963	9/1982 01/1994	Xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
60.	Hoành Hữu Tỷ	Trung úy	Nguyên Đại đội trưởng đại đội 1, Trung đoàn 34, Sư đoàn 473, Binh đoàn 12	1940	02/1964 9/1978	Xã Tầm Xá, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
61.	Lê Văn Long	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên Kỹ thuật, Lữ đoàn 394, Binh đoàn 11	1957	8/1976 9/1991	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
62.	Trịnh Thị Thật	Trung úy CN	Nguyên Nhân viên Kế toán, Xí nghiệp 56, Binh đoàn 11	1958	8/1976 6/1991	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội

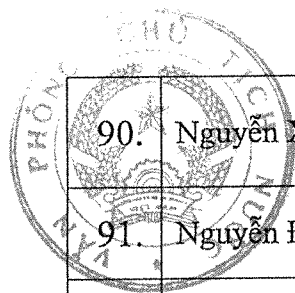


63.	Hoàng Minh Tuấn	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Trung đoàn 683, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1953	5/1971 01/1989	Xã An Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
64.	Nguyễn Văn Hải	Thượng úy CN	Nguyên thợ sửa chữa, Tiểu đoàn 30, Trung đoàn 28, Quân chủng PK-KQ	1957	4/1975 6/1990	Xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
65.	Trần Đồng Đức	Thượng sĩ	Nguyên Đội trưởng lái xe, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1947	6/1966 5/1976	Xã An Phú, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
66.	Phùng Văn Tuất	Thượng sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng, Kho K22, Cục Kỹ thuật, Quân khu 3	1944	5/1965 7/1975	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
67.	Nguyễn Công Tạo	Đại úy CN	Nguyên Y sĩ, Lữ đoàn 472, Binh đoàn 12	1955	5/1978 01/1999	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
68.	Đỗ Phú Ngọc	Chuẩn úy	Nguyên Lái xe, Đại đội 8, Đoàn 15c, Binh đoàn 12	1948	8/1970 11/1982	Xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
69.	Tạ Đức Thu	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm Hóa học, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 326, Quân khu 2	1952	12/1970 8/1988	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
70.	Nguyễn Mạnh Thắng	Trung tá	Nguyên Trưởng ban Thống kê Phòng quản lý Đảng, Cục Tổ chức, Tổng cục Chính trị	1945	9/1965 11/1989	Xã Hợp Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
71.	Đinh Hữu Hòa	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân lực, Trung đoàn 192, Sư đoàn 355, Quân khu 2	1962	9/1982 7/2009	Xã Hùng Tiến, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
72.	Trần Quang Thập	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên điện nước, Lữ đoàn 614, Binh chủng Thông tin liên lạc	1951	4/1970 8/1990	Phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
73.	Đinh Quốc Bảo	Trung úy CN	Nguyên Phóng viên báo, Phòng Chính trị, Binh đoàn 11	1956	8/1976 01/1988	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
74.	Đoàn Văn Ngoạn	Thượng sĩ	Nguyên Chiến sĩ, Đoàn 18, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1943	8/1967 9/1978	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
75.	Nguyễn Hải Lý	Trung úy CN	Nguyên Thợ hàn, Công ty cổ phần xây lắp Thành An 665, Binh đoàn 11	1962	10/1978 8/2005	Xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
76.	Nông Văn Dụ	Đại úy CN	Nguyên Tổ trưởng kho xe, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1958	4/1975 12/1998	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

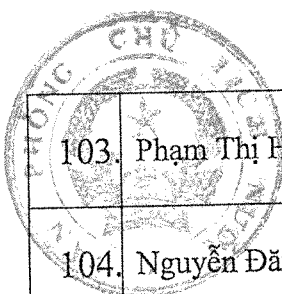


77.	Vương Văn Hậu	Đại úy	Nguyên Trợ lý Tổ chức động viên Phòng Tham mưu, Sư đoàn 339, Quân khu 9	1956	6/1977 8/1989	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
78.	Đỗ Phú Mạc	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1957	8/1976 6/1993	Xã Hồng Đức, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
79.	Nguyễn Trọng Quyền	Thiếu tá CN	Nguyên Quyền Phó trưởng phân kho, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	7/1976 8/2004	Xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
80.	Đỗ Tiến Thành	Đại úy CN	Nguyên Xưởng Phó, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1949	3/1967 6/1993	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
81.	Vũ Ngọc Lạc	Đại úy CN	Nguyên thợ sửa chữa, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	4/1970 6/1993	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
82.	Nguyễn Văn Chiến	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho J106, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1944	3/1964 7/1990	Xã An Vũ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
83.	Phạm Ngọc Nha	Thượng úy CN	Nguyên Thợ hàn, Đoàn 56, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1952	3/1975 10/1992	Xã Trung Đông, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
84.	Lê Bá Chính	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Đại đội 12, Trung đoàn 26, Quân chủng PK-KQ	1955	10/1974 4/1990	Xã Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
85.	Trần Thanh Cảnh	Trung úy CN	Nguyên Phó ban tài vụ, Xí nghiệp 22, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1940	12/1967 10/1983	Xã Ngô Khê, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
86.	Lê Huy Thúc	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Trung đoàn 681, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1951	11/1972 9/1992	Xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
87.	Trần Đức Thịnh	Thượng úy	Nguyên Đại đội trưởng, Hệ chuyên môn kỹ thuật, Trường sĩ quan Đặc công, Binh chủng Đặc công	1960	8/1978 01/1991	Xã Tam Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc
88.	Lê Văn Thanh	Trung tá	Nguyên Trưởng ban kỹ thuật, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1950	5/1979 12/1999	Xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội
89.	Nguyễn Tiến Lợi	Thượng úy	Nguyên Chính trị viên, Đại đội 10, Tiểu đoàn 6, Trung đoàn 58, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1961	4/1979 6/1989	Xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

X

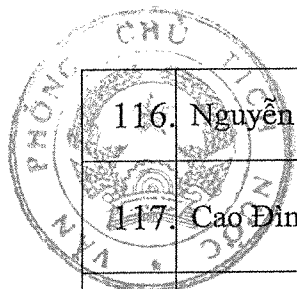


90.	Nguyễn Xuân Thu	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý kiểm tra, Phòng Chính trị, Sư đoàn 8, Quân khu 9	1942	02/1964 12/1988	Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
91.	Nguyễn Đình Xuân	Đại úy CN	Nguyên Phó Đại đội trưởng, Kho J106, Cục Xe - Máy, Tổng cục Kỹ thuật	1942	4/1962 8/1987	Xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
92.	Lê Xuân Cường	Trung úy CN	Nguyên Tổ trưởng, Xí nghiệp 22, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1943	02/1962 8/1987	Xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
93.	Nguyễn Thanh Sơn	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe ô tô, Tiểu đoàn 25, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1957	3/1975 9/1990	Xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
94.	Nguyễn Đức Cường	Đại úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa thông tin, Tiểu đoàn 18, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1952	12/1971 5/1992	Xã Nhân Hà, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
95.	Lê Đức Điền	Thiếu úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa Tiểu đoàn 26, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1961	3/1979 10/1991	Xã Nghĩa Hương, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
96.	Trịnh Bá Ới	Đại úy	Nguyên Trợ lý, Ban Tham mưu, Trung đoàn 513, Quân khu 3	1956	02/1975 12/1988	Xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
97.	Đặng Anh Tuấn	Thượng úy CN	Nguyên Phó đại đội trưởng, Đại đội 6, Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 472, Binh đoàn 12	1957	6/1977 12/1987	Xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
98.	Nguyễn Văn Nuôi	Thiếu úy CN	Nguyên Nhân viên, Viện khảo sát thiết kế, Binh đoàn 12	1954	6/1977 5/1988	Xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
99.	Nguyễn Trung Thọ	Trung úy CN	Nguyên Lái xe tăng, Tiểu đoàn 1036, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1952	5/1972 01/1983	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
100.	Trịnh Viết Hoàn	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe, Trung đoàn 684, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1953	5/1971 3/1987	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
101.	Nguyễn Xuân Để	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Lái xe, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Đặc Công	1954	12/1972 12/1992	Xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
102.	Khuất Văn Tú	Đại úy	Nguyên Trợ lý, Ban CHQS huyện Chương Mỹ, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Sơn Bình	1957	02/1975 11/1987	Xã Tích Giang, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội



103.	Phạm Thị Hằng	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên nấu ăn, Phòng Hậu cần, Trường sĩ quan Đặc công, Binh chủng Đặc công	1968	7/2004 10/2016	Xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
104.	Nguyễn Đăng Long	Trung úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng Quân sự, Đại đội 7, Tiểu đoàn 5, Trung đoàn 148, Sư đoàn 316, Quân khu 2	1963	9/1982 01/1993	Xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
105.	Đỗ Mạnh Khôi	Chuẩn úy CN	Nguyên thợ kỹ thuật viên, Trung đoàn 267, Sư đoàn 363, Quân chủng PK-KQ	1947	4/1969 4/1980	Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
106.	Nguyễn Hữu Sơn	Trung sĩ	Nguyên Chiến sĩ, Điều dưỡng, Đoàn 587, Hà Sơn Bình	1958	8/1978 10/1988	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
107.	Nguyễn Công Thìn	Thiếu úy CN	Nguyên Lái xe, Tiểu đoàn 76, Trung đoàn 11, Sư đoàn 571, Quân khu 2	1951	01/1971 6/1983	Xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
108.	Nguyễn Văn Hải	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên quân vận, Lữ đoàn 971, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1966	8/1985 9/2011	Xã Viên An, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
109.	Phạm Quốc Khánh	Thượng sĩ	Nguyên thợ sửa chữa ô tô A173, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1949	6/1968 9/1979	Xã Phụng Dực, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
110.	Nguyễn Thị Hoa	Thiếu tá CN	Nguyên Y sĩ, Khoa B1, Bệnh viện Quân y 109, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1963	8/1981 9/2008	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
111.	Nguyễn Thị Thiệp	Trung tá CN	Nguyên Kế toán, Ban Tài chính, Bệnh viện 103, Học viện Quân y	1957	12/1996 10/2009	Phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
112.	Đặng Đình Đức	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Nấu ăn, Tiểu đoàn 2, Học viện Hậu cần	1964	7/2004 4/2016	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
113.	Khuất Văn Vinh	Trung úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng, Tiểu đoàn 4, Trung đoàn 847, Sư đoàn 353, Quân khu 1	1954	4/1974 10/1984	Thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
114.	Đỗ Thanh Hải	Đại úy	Nguyên Trợ lý Dân quân Tự vệ, Ban CHQS huyện Phúc Thọ	1984	02/2003	Xã Trục Thái, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định
115.	Bạch Đăng Huy	Đại úy CN	Nguyên thợ nguội cơ khí, Xí nghiệp 18, Công ty TNHH MTV Hà Thành, BTL Thủ đô Hà Nội	1967	7/2004 12/2014	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

[Handwritten signature]

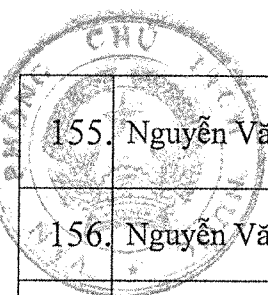


116.	Nguyễn Chí Dân	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa, Nhà máy Z49, Binh chủng Công Binh	1961	7/2003 7/2014	Xã Long Phương, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
117.	Cao Đình Chuẩn	Thiếu tá CN	Nguyên thợ điện hóa, Xí nghiệp TBYT 130, Công ty Dược và TTBYT Quân đội, Tổng cục Hậu cần	1960	5/1978 6/2009	Xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
118.	Nguyễn Thị Tuyên	CNVQP	Nguyên Y sĩ - Ban Hành chính-Hậu cần, Viện Kỹ thuật PK-KQ, Quân chủng PK-KQ	1959	7/2004 11/2015	Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
119.	Phùng Văn Khoan	Thượng úy CN	Thợ sửa chữa vũ khí, Kho K91, Cục Kỹ thuật, BTL Thủ đô Hà Nội	1980	7/2004	Xã Phú Đông, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
120.	Hoàng Quang Tuyên	Trung úy CN	Nhân viên bảo quản vũ khí, Kho K91, Cục Kỹ thuật, BTL Thủ đô Hà Nội	1982	02/2001	Xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
121.	Mai Thế Anh	Thượng úy	Chính trị viên Đại đội, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1984	9/2005	Phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
122.	Nguyễn Văn Quang	Thiếu tá CN	Nhân viên xăng dầu, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1972	02/1993	Phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
123.	Mai Văn Luận	Trung úy	Nhân viên Tham mưu, Ban CHQS huyện Phú Xuyên, BTL Thủ đô Hà Nội	1986	02/2006	Xã Bạch Hạ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
124.	Nguyễn Văn Bính	Thượng úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Trung đoàn 12, Sư đoàn 3, Quân khu 1	1960	5/1978 10/1990	Xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
125.	Nguyễn Hồng Phong	Trung úy	Nguyên Đội trưởng Đội 10, Đoàn 325, Quân khu 2	1950	4/1970 12/1990	Xã Thụy Phú, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
126.	Đào Duy Dự	Thượng úy	Nguyên Trợ lý kinh tế, Sư đoàn 304, Quân đoàn 2	1956	02/1975 5/1986	Xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
127.	Lê Kim Phấn	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Thi công, Trung đoàn 542, Sư đoàn 472, Binh đoàn 12	1956	10/1974 07/1987	Xã Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa
128.	Kiều Văn Thùy	Thượng úy	Nguyên Đại đội trưởng, Trung đoàn Không quân - Hải quân 954, Quân chủng Không quân	1958	06/1977 09/1988	Xã Càn Kiêm, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội



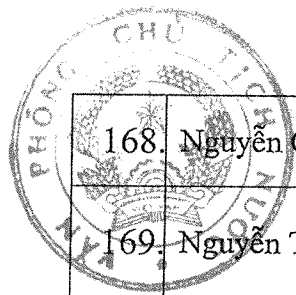
129.	Đinh Doãn Đại	Trung úy	Nguyên Trợ lý Tham mưu, Tiểu đoàn 140, Bộ Tham mưu, Quân đoàn 1	1955	9/1973 9/1983	Xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
130.	Nguyễn Thành Viên	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên Kỹ thuật, Cục Hậu cần, Bộ Tổng Tham mưu	1962	8/1980 02/2015	Xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
131.	Nguyễn Duy Kể	Thiếu úy CN	Nguyên Trạm trưởng Trạm sửa chữa kỹ thuật, Lữ đoàn 226, Quân khu 9	1950	4/1972 9/1982	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
132.	Nguyễn Xuân Sừu	Thượng úy	Nguyên Trợ lý quân nhu, Trường Quân y, Cục Hậu cần, Quân khu 5	1946	02/1970 7/1985	Xã Liên Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
133.	Hoàng Thị Nương	Thiếu úy CN	Nguyên Y sĩ, Tiểu đoàn 512, Trường Quân chính, Tổng cục Hậu cần	1961	8/1978 7/1990	Xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
134.	Nguyễn Văn Vồn	Thượng tá	Trưởng Phòng Hành chính-Tổ chức, Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh trường Đại học sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội	1967	3/1986	Xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
135.	Nguyễn Thị Dậu	Đại úy CN	Nguyên Dược sĩ, Trạm 99, Bộ Tham mưu, BTL Thủ đô Hà Nội	1958	8/1978 12/1999	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
136.	Lê Ngọc Sơn	Thiếu tá CN	Nguyên Kỹ thuật viên X quang, Bệnh viện 354, Tổng cục Hậu cần	1956	02/1977 6/2008	Xã Thanh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa
137.	Vũ Thị Hào	Trung úy CN	Nhân viên văn thư, Tiểu đoàn đặc công 18, BTL Thủ đô Hà Nội	1976	12/2006	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
138.	Dương Đức Tuế	Thượng sĩ	Nguyên Trung đội trưởng, Binh trạm 37, Binh đoàn 12	1945	8/1964 01/1976	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
139.	Nguyễn Văn Sỷ	Thiếu úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Trung đoàn 58, Sư đoàn 308, Quân đoàn 1	1950	10/1967 02/1978	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
140.	Nguyễn Tất Tâm	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Xe máy, Phòng Kỹ thuật, Mặt trận 379	1947	02/1975 12/1987	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
141.	Đặng Ngọc Bảo	Thượng úy	Nguyên Đại đội trưởng, Tiểu đoàn 16, Sư đoàn 301, BTL Thủ đô Hà Nội	1955	4/1974 01/1988	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

142.	Dương Đức Liệu	Thượng úy	Nguyên Đại đội trưởng, Trung đoàn 174, Mặt trận 379	1956	02/1975 4/1987	Xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
143.	Đỗ Văn Véch	Trung sĩ	Nguyên Lái xe, Đại đội 62, Đoàn 582	1946	02/1966 5/1976	Xã Thống Nhất, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
144.	Lê Văn Quang	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên bảo quản, Trung đoàn 652, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1965	02/1985 7/2012	Xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
145.	Đào Nguyên	Thượng úy	Nguyên Phó đại đội trưởng, Trung đoàn 39, Sư đoàn 565, Binh đoàn 12	1958	6/1977 6/1987	Xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
146.	Nguyễn Đức Yên	Thiếu úy CN	Nguyên Nhân viên, Đoàn mua sắm tiếp nhận, Cục Quân Nhu, Tổng cục Hậu cần	1959	8/1978 12/1989	Xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
147.	Hoàng Phúc Thiện	Thượng úy	Nguyên Lớp trưởng, Trường Sĩ quan Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1960	8/1978 10/1988	Xã Hòa Thạch, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
148.	Nguyễn Duy Thắng	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa ô tô, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	12/1984 11/2015	Xã Thụy Duyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
149.	Bùi Thanh Lai	Thiếu tá	Nguyên Trợ lý hành chính, Trường sĩ quan chỉ huy kỹ thuật phòng không	1952	3/1975 7/1991	Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
150.	Đồng Minh Ngô	Đại úy	Nguyên Giáo viên luật giao thông, Trường Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật ô tô, Cục ô tô máy kéo trạm nguồn	1953	5/1971 5/1993	Xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
151.	Nguyễn Đức Hùng	Thượng úy CN	Nguyên Thợ sửa chữa, Phòng Hậu cần, Bộ Tư lệnh Đặc Công	1955	8/1972 8/1992	Xã Tân Thuật, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
152.	Trần Ngọc Lục	Thượng tá	Nguyên Phó trưởng phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc	1948	6/1965 12/1993	Xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
153.	Nguyễn Đức Hạnh	Đại úy	Nguyên Phó Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn Ra đa 295, Sư đoàn 363, Quân chủng PK-KQ	1946	12/1966 12/1988	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
154.	Đặng Thị Gái	Đại úy	Nguyên Bác sĩ, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1949	7/1968 7/1990	Xã Giao Tâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

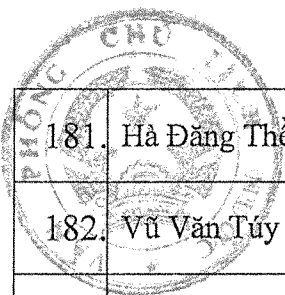


155.	Nguyễn Văn Đức	Trung úy CN	Nguyên Kỹ thuật viên máy nổ, Tiểu đoàn 65, Trung đoàn 236, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1955	02/1973 02/1987	Xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
156.	Nguyễn Văn Hải	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Tham mưu, Ban CHQS quận Hai Hà Trung	1961	3/1979 6/1989	Xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
157.	Trần Thị Lan	CNVQP	Nguyên Nhân viên nấu ăn, Trung đoàn 664, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1950	7/1968 3/1979	Xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa
158.	Nguyễn Xuân Công	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe ô tô, Đại đội 17, Bộ Tham mưu, Quân khu 2	1948	4/1971 3/1988	Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
159.	Tạ Văn Phòng	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Dân vận, Trung đoàn 266, Sư đoàn 313, Quân khu 2	1943	8/1964 10/1981	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
160.	Nguyễn Văn Hà	Đại úy	Nguyên Trợ lý Pháo binh, Phòng Tham mưu, Sư đoàn 338, Quân đoàn 14	1959	6/1977 10/1988	Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
161.	Nguyễn Xuân Đào	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên Hậu cần, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1938	4/1967 01/1990	Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
162.	Bùi Đức Đạm	Trung úy	Nguyên Trợ lý Hậu cần, Cục Hậu cần, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng.	1958	8/1978 02/1991	Xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
163.	Nguyễn Thị Cậy	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Xưởng X260, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1948	12/1967 4/1991	Xã Phương Độ, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
164.	Trần Văn Quyến	Thiếu tá	Nguyên Phó Chủ nhiệm Chính trị kho, Kho 854, Tổng kho 762, Cục Quân khí, Tổng cục Kỹ thuật	1944	8/1964 4/1987	Xã Nam Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
165.	Nguyễn Văn Nhâm	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Đại đội 24, Trung đoàn 198, Quân khu 1	1953	12/1970 12/1987	Xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
166.	Cảnh Chí Diện	Đại úy CN	Nguyên Thợ mộc, Công ty Xây lắp 665, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1958	8/1976 5/2007	Xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
167.	Bùi Văn Thành	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Cơ yếu, Lữ đoàn 472, Binh đoàn 12	1960	5/1978 10/1989	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

21

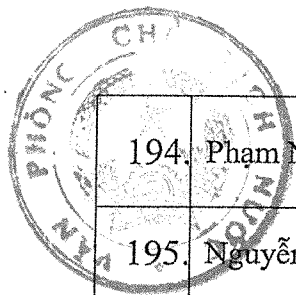


168.	Nguyễn Chí Thái	Đại úy	Nguyên Trợ lý Quân lương, Phòng Hậu cần, Cục Hậu cần, Quân đoàn 2	1954	5/1972 5/1989	Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
169.	Nguyễn Trọng Liệt	Thượng sĩ	Nguyên thợ máy nổ, Ban Kỹ thuật, Trung đoàn 221, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1945	9/1965 9/1975	Xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
170.	Nguyễn Xuân Thực	Trung úy CN	Nguyên thợ sửa chữa ô tô, Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, Binh chủng Đặc công	1957	6/1977 8/1988	Xã Song Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
171.	Bùi Quang Mỹ	Đại úy	Nguyên Phó Chủ nhiệm Hậu cần, Trung đoàn 729, Sư đoàn 315, Quân khu 5	1956	4/1974 02/1990	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
172.	Bùi Quang Hào	Thượng úy	Nguyên Phó Đại đội trưởng Trinh sát, Đoàn 7705, Bộ Tư lệnh 479, Quân khu 7	1954	10/1974 12/1987	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.
173.	Lưu Tiên Quát	Thiếu tá	Nguyên Chủ nhiệm thông tin, Sư đoàn 286, mặt trận 479, T67, Quân khu 9	1947	4/1965 11/1988	Xã Hòa Xá, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
174.	Phạm Bá Thơm	Hạ sĩ	Nguyên chiến sĩ cảnh vệ, Tiểu đoàn 18, Trung đoàn 244, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1947	7/1972 7/1982	Xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
175.	Bùi Văn Hợp	Đại úy	Nguyên Chủ nhiệm Công Binh, Lữ đoàn 241, Quân đoàn 1	1957	02/1975 7/1991	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
176.	Bùi Đăng Đồng	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý Quân báo, Ban CHQS huyện Mỹ Đức, BTL Thủ đô Hà Nội	1940	4/1966 5/1984	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
177.	Nguyễn Công Tân	Thiếu úy CN	Nguyên Nhân viên, Nhà máy Z121, Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	1943	4/1965 6/1980	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
178.	Nguyễn Văn Hiệu	Trung sĩ	Nguyên Trung đội trưởng, Trung đoàn 14, Đoàn 565, Binh đoàn 12	1957	4/1975 6/1985	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
179.	Nguyễn Văn Hồng	Trung sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng, Trung đoàn 14, Đoàn 565, Binh đoàn 12	1955	4/1975 5/1985	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
180.	Lê Công Tuấn	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý quân nhu, Ban CHQS huyện Ứng Hòa, BTL Thủ đô Hà Nội	1944	11/1961 11/1981	Xã Hòa Phú, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội



181.	Hà Đăng Thềm	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên kỹ thuật, Kho K90, Cục Kỹ thuật, BTL Thủ đô Hà Nội	1959	9/1979 12/2006	Xã Tổng Trân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
182.	Vũ Văn Túy	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Tiểu đoàn 93, Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Công Bình	1965	8/1985 3/2002	Xã Tam Kỳ, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương
183.	Nguyễn Thế Phồn	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng chính trị, Tiểu đoàn 93, Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Công Bình	1958	7/1980 3/2000	Xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
184.	Nguyễn Văn Biều	Thượng sĩ	Nguyên Chiến sĩ thông tin, Trường Trung học Kỹ thuật, Tổng cục Kỹ thuật	1952	7/1969 3/1985	Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
185.	Nguyễn Thị Ích	Thượng tá CN	Nguyên Chủ nhiệm bộ môn, Khoa ngoại ngữ, Trường Sĩ quan Lục quân 1	1957	12/1996 7/2009	Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
186.	Nguyễn Văn Minh	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên hậu cần, Tiểu đoàn 2, Trường Quân sự, Quân khu 3	1954	11/1971 6/2010	Xã Diên Hồng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
187.	Phạm Xuân Bằng	Thượng tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Tham mưu - Kế hoạch, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1962	10/1981 12/2014	Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, thành phố Nam Định
188.	Võ Anh Dũng	Thượng úy	Nguyên Trợ lý Kế hoạch, Bộ CHQS tỉnh Bình Định, Quân khu 5	1960	4/1979 12/1989	Xã Triệu Long, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị
189.	Kim Thị Hảo	Thượng úy CN	Nguyên Dược tá, Kho 708, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1942	01/1976 10/1990	Xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
190.	Nguyễn Hữu Ninh	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Đội xe vận tải, Kho 205, Cục Quân nhu, Tổng cục Hậu cần	1958	11/1977 11/1994	Xã Mỹ Hương, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh
191.	Trần Văn Thiện	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên lái xe, Tiểu đoàn 1, Cục Kỹ thuật, Bộ Tư lệnh Thiết giáp	1960	8/1978 8/1989	Xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
192.	Nguyễn Duy Từ	Chuẩn úy CN	Nguyên Thợ điện, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần	1950	5/1972 11/1982	Phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
193.	Chu Thị Trọng	Chuẩn úy CN	Nguyên Dược tá, Đội điều trị, Cục Hậu cần, BTL Thủ đô Hà Nội	1952	5/1972 12/1982	Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

✱

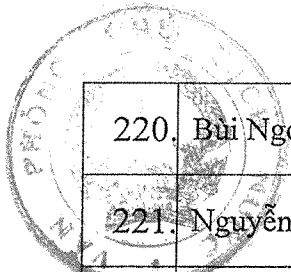


194.	Phạm Ngọc Toàn	Hạ sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng Trinh sát, Đại đội 74, Trung đoàn 212, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1946	6/1965 9/1975	Phường Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
195.	Nguyễn Thị Hà	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho TH80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	4/1975 10/2001	Xã Đông Du, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
196.	Nguyễn Thị Thắm	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Kho TH80, Cục Hậu cần, Tổng cục Hậu cần	1958	02/1975 10/2001	Xã Thanh Lâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
197.	Nguyễn Văn Ngọc	Thượng sĩ	Nguyên Trợ lý quân nhu, Phòng Hậu Cần, Viện KH&CN quân sự	1947	7/1967 12/1978	Xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
198.	Dương Văn Thành	Chuẩn úy CN	Nguyên Trung Đội trưởng, Đội 4, Đoàn 235, Quân khu 1	1948	3/1967 9/1977	Xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
199.	Phan Minh Đức	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Ban Quân y, Đoàn 235, Quân khu 2	1950	8/1969 3/1990	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình
200.	Nguyễn Thị Liên	Thiếu tá CN	Nguyên Kế toán, Bệnh viện 109, Cục Hậu cần, Quân khu 2	1954	5/1972 7/2001	Xã Đồng Cương, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
201.	Phan Văn Độ	Đại úy	Nguyên Tiểu đoàn trưởng, Trung đoàn 880, Bộ CHQS tỉnh Lai Châu, Quân khu 2	1953	4/1974 12/1989	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
202.	Hoàng Xuân Chinh	Đại úy	Nguyên Đội phó Xây dựng, Công ty 56, Binh đoàn 11	1956	11/1974 02/1995	Xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
203.	Nguyễn Văn Tự	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Trường Quân chính, Binh đoàn 12	1954	8/1973 9/1989	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
204.	Nguyễn Huy Hoàn	Thiếu úy CN	Nguyên Lái xe, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1946	4/1970 7/1980	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
205.	Dương Xuân Hiên	Thượng sĩ	Nguyên Nhân viên Thống kê, Đoàn 876, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1948	4/1970 7/1983	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
206.	Hán Văn Giản	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Phòng hậu cần, Trung tâm bảo đảm vật tư Công nghiệp quốc phòng, Tổng cục CNQP	1957	4/1975 10/1997	Xã Gia Thanh, huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ

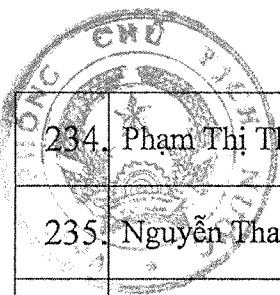


207.	Nguyễn Văn Trí	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý pháo binh, Ban CHQS huyện Mèo Vạc, Bộ CHQS tỉnh Hà Giang, Quân khu 2	1958	5/1978 6/1988	Xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
208.	Đào Văn Thực	Thượng úy	Nguyên Đại đội trưởng, Đại đội 16, Trung đoàn 244, Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh, Quân khu 3	1960	8/1978 6/1989	Xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
209.	Đỗ Bá Sơn	Thượng úy CN	Nguyên Lái xe, Cục Hậu cần, Bộ Tư lệnh Công binh	1955	3/1975 7/1987	Xã Bắc Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
210.	Nguyễn Văn Tuệ	Thượng úy CN	Nguyên Y sĩ, Đội vệ sinh phòng dịch, Cục Hậu cần, Quân chủng Hải quân	1954	5/1971 5/1989	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
211.	Đinh Văn Ngừ	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Trung đoàn 916, Quân chủng PK-KQ	1958	5/1978 10/1999	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
212.	Đinh Xuân Dụ	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Phòng Kế hoạch, Tổng công ty 36	1958	9/2003 9/2017	Xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội
213.	Nguyễn Văn Tuấn	Thượng úy	Nguyên Trợ lý tác chiến, Trung đoàn 42, Sư đoàn 9, Quân đoàn 4	1956	5/1974 7/1989	Xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
214.	Nguyễn Văn Hợi	Thiếu úy CN	Nguyên Y sĩ, Cục Hậu cần, Binh chủng Công binh	1947	01/1966 9/1981	Xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội
215.	Khuất Thị Hóa	Trung úy CN	Nguyên Y tá, Bệnh viện Quân y 105, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1950	9/1968 9/1989	Xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
216.	Cần Xuân Môn	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên xăng dầu, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin	1958	6/1977 11/1998	Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
217.	Nguyễn Quốc Doanh	Thiếu úy CN	Nguyên Lái xe, Kho K27, Trung đoàn 17, Binh đoàn 12	1954	4/1974 6/1985	Xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
218.	Nguyễn Trần Nghi	Thượng tá	Nguyên Trợ lý, Phòng Châu Âu, Cục Đối ngoại	1959	8/1996 9/2011	Xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định
219.	Hoàng Thị Viên	Thiếu úy CN	Nguyên Y sĩ, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 168, Quân khu 2	1961	10/1977 12/1991	Xã Động Lâm, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

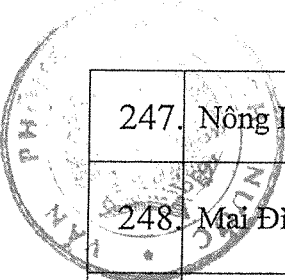
41



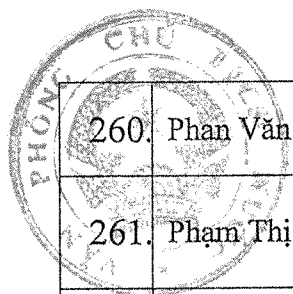
220.	Bùi Ngọc Quyển	Trung úy CN	Nguyên Quân Y sĩ, Hải đội 112, Lữ đoàn 170, Vùng 1, Quân chủng Hải quân	1947	6/1968 10/1982	Phường Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
221.	Nguyễn Tiến Dũng	Trung tá	Nguyên Phó Trung đoàn trưởng, Trung đoàn 250, f361 Quân chủng PK-KQ	1957	4/1975 11/2003	Phường Vệ An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
222.	Vũ Hồng Cẩm	Đại tá	Nguyên Bác sĩ chuyên khoa 2, Nghiên cứu viên Viện Y học dự phòng quân đội	1959	9/1978 7/2015	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình
223.	Nguyễn Xuân Bá	Thượng sĩ	Nguyên Đại đội phó c13, d3, e 335 Quân khu Tây Bắc	1948	5/1965 5/1975	Xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An
224.	Trần Anh Tú	Thiếu tá CN	Nguyên Lái xe quân sự, Xí nghiệp 18, công ty TNHH MTV Hà Thành	1968	7/2004 12/2014	Xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
225.	Trần Anh Tiến	Đại úy CN	Nguyên thợ nguội cơ khí, xí nghiệp 18, Công ty T TNHH MTV Hà Thành	1966	7/2004 12/2014	Xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
226.	Hoàng Văn Thắm	Thiếu tá CN	Nguyên Lái xe, Đại đội 8, Cục Hậu cần, Binh chủng Thông tin liên lạc	1962	3/1979 9/2010	Xã Đông Huy, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
227.	Lại Thị Loan	Trung tá CN	Nguyên Trợ lý Kế toán, Xưởng Sản xuất chế thử, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga	1958	8/1976 3/2003	Xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
228.	Nguyễn Tất Hậu	Thiếu úy	Nguyên Trợ lý hành chính, Trung đoàn 153, Sư đoàn 356, Quân đoàn 29	1944	7/1967 11/1980	Phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
229.	Trần Thị Hồng	Chuẩn úy	Nguyên Dược sĩ, Xí nghiệp xây dựng 244 công ty xây dựng công trình hàng không ACC, Quân chủng PK-KQ	1957	02/1975 02/1990	Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
230.	Trịnh Thị Cúc	Trung sĩ	Nguyên Chiến sĩ, Xí nghiệp 22, Tổng cục Hậu cần	1948	02/1966 12/1976	Xã Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
231.	Nguyễn Đức Nguyên	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng, Lữ đoàn Pháo binh 45, Binh chủng Pháo binh	1960	8/1978 11/1991	Xã Thụy Quỳnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
232.	Trịnh Văn Triều	Thiếu tá CN	Nguyên Thợ máy, Tiểu đoàn 10 vận tải, Cục Hậu cần, Binh chủng Pháo binh	1962	8/1996 4/2007	Xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
233.	Ngô Khắc Thường	Trung tá	Nguyên Giáo viên khoa hậu cần, Học viện Hậu cần	1941	8/1964 02/1990	Xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa



234.	Phạm Thị Thúy	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Tổng đài, Lữ đoàn 918, Quân chủng PK-KQ	1963	11/1995 01/2006	Xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
235.	Nguyễn Thanh Sâm	Đại úy	Nguyên Đại đội trưởng xe máy, Trung đoàn 669, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1951	12/1971 12/1991	Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
236.	Phạm Đình Chiến	Thiếu tá	Nguyên Phó Tham mưu trưởng, Ban CHQS huyện Vụ Bản, Bộ CHQS tỉnh Nam Định, Quân khu 3	1953	12/1972 8/1993	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
237.	Khuất Thị Nhung	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Kế hoạch tổng hợp, Bệnh viện Quân y 354, Tổng cục Hậu cần	1948	12/1967 12/1993	Xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
238.	Nguyễn Văn Dăm	Thượng tá	Nguyên Trợ lý kỹ thuật, Cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Tổng cục Kỹ thuật,	1949	5/197 2 12/20 01	Xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
239.	Tổng Nguyên Hanh	Thượng úy CN	Nguyên Giáo viên kỹ thuật, Trường Trung học kỹ thuật, Tổng cục Kỹ thuật	1950	9/1970 9/1988	Xã Đức Vinh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
240.	Nguyễn Thị Hạnh	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Xưởng in Cục Chính trị, Tổng cục Kỹ thuật	1960	12/1996 01/2011	Xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
241.	Lê Thị Thanh Hà	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên thống kê, Kho 813, Cục Hậu cần, BTL Thủ đô Hà Nội	1962	6/1980 12/2005	Xã Hoàng Lộc, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
242.	Nguyễn Đức Bệ	Trung tá	Nguyên Trợ lý nhân sự, Phòng Cán bộ, Cục Chính trị, Quân khu Thủ đô	1940	12/1965 8/1991	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương
243.	Đào Ngọc Hải	Đại úy	Nguyên Quyền trưởng phòng Cơ điện, Nhà In Quân đội 1, Tổng Cục Chính trị	1951	02/1976 8/1989	Xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
244.	Trần Huy Thanh	Thượng sĩ	Nguyên thợ máy in, Nhà máy in Quân đội, Tổng Cục Chính trị	1949	02/1966 10/1980	Thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
245.	Phan Sĩ Hồng	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý hành chính, Xưởng A34, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1943	6/1965 9/1989	Xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
246.	Nguyễn Sơn Hà	Đại tá	Nguyên Giám đốc, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1944	5/1965 10/2004	Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

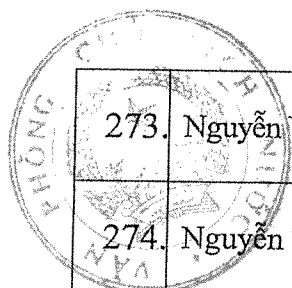


247.	Nông Duy Thông	Đại úy CN	Nguyên Trợ lý Chính trị, Xưởng A34, Cục Kỹ Thuật, Quân chủng PK-KQ	1942	9/1962 11/1990	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng
248.	Mai Đình Anh	CNVQP	Nguyên thợ điện nước, Xưởng sửa chữa vũ khí trang bị kỹ thuật, Cục Kỹ thuật, Bộ đội Biên phòng	1956	7/2004 11/2017	Xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
249.	Lê Văn Thực	Đại úy	Nguyên Trưởng Ban Tài vụ, Lữ đoàn 45, Binh chủng Pháo Binh	1953	5/1972 10/1986	Xã Hà Vân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa
250.	Nhâm Khả Bảo	Thiếu úy CN	Nguyên Lái xe, Công ty Tây Bắc, Quân khu 2,	1965	8/1985 11/1999	Xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
251.	Tạ Đăng Doanh	Đại úy	Nguyên Phó đại đội trưởng về Chính trị, Lữ đoàn 386, Binh đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1955	3/1975 12/1989	Xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
252.	Phạm Đức Thắng	Thiếu úy	Nguyên Nhân viên, Đoàn mua sắm tiếp nhận, Cục Quân lương, Tổng cục Hậu cần	1960	8/1978 12/1989	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
253.	Đỗ Thị Chung	Thiếu tá CN	Nguyên thợ nguội, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	3/1985 9/2016	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
254.	Nguyễn Thị Ngà	Thiếu tá CN	Nguyên thợ nguội, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1966	7/2004 8/2016	Xã Minh Đức, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
255.	Trần Phan	Thiếu tá CN	Nguyên thợ nguội, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/2004 12/2017	Xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
256.	Phạm Xuân Vinh	Thiếu tá CN	Nguyên thợ sửa chữa gầm, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1960	7/2004 9/2014	Thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
257.	Lê Thị Tường	Thiếu tá CN	Nguyên Trợ lý, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1959	7/1996 12/2006	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
258.	Doãn Huy Hoài	Trung tá	Nguyên Giáo viên khai pháp luật, Học viện Biên phòng	1957	10/1975 7/2011	Xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
259.	Giang Thanh Ngân	Chuẩn úy	Nguyên Trợ lý cán bộ, Ban CHQS huyện Thạch Thất, BTL Thủ đô Hà Nội	1947	9/1965 4/1976	Xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội

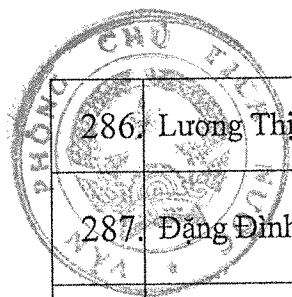


260.	Phan Văn Vân	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên Bảo vệ, Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1965	02/1981 4/2014	Xã Liên Châu, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc
261.	Phạm Thị Thất	CNVQP	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1957	7/2004 12/2014	Xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa
262.	Lê Trí Bách	Trung tá CN	Nguyên Giáo viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/1981 11/2016	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
263.	Nguyễn Văn Sơn	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/1980 5/2012	Xã Ninh Thành, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
264.	Hoàng Thị Thúy	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986 11/2014	Xã Trạch Mỹ Lộc, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
265.	Lê Thị Thanh	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1964	7/2004 11/2015	Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
266.	Nguyễn Thị Chuông	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	3/1985 11/2013	Xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
267.	Vũ Thị Phượng	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1985 11/2013	Xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
268.	Nguyễn Thị Tính	Thiếu tá CN	Nguyên Bếp trưởng, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1963	7/1985 11/2014	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
269.	Lê Thị Lan	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1967	3/1986 11/2013	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
270.	Đinh Kim Thành	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1967	7/2004 11/2016	Xã Phúc Hòa, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
271.	Phạm Thị Huyền	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên quản lý bếp, tiểu đoàn 1, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1963	4/1981 8/2011	Xã Dũng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng
272.	Trần Thị My	Thiếu tá CN	Nguyên, Nhân viên Nhà máy Z151, Tổng cục Kỹ thuật	1962	7/2004 7/2014	Xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

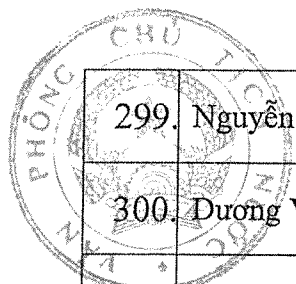
*



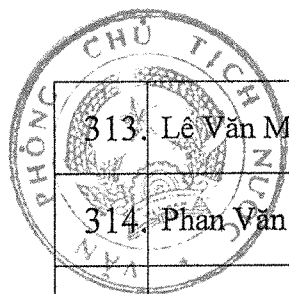
273.	Nguyễn Văn Khang	Trung tá CN	Nguyên Tổ trưởng, Tổ Giáo viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	02/1984 11/2016	Xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
274.	Nguyễn Thị Liên	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/2004 3/2016	Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
275.	Trần Văn Thắng	Thượng tá	Nguyên Trưởng Ban Tài chính, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1957	10/1976 01/2013	Xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
276.	Đinh Xuân Nam	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Phòng Tham mưu, Học viện PK-KQ, Quân chủng PK-KQ	1955	02/1975 4/2003	Xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
277.	Hoàng Thị Thom	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1965	7/2004 12/2016	Xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
278.	Phùng Thị Thọ	Thiếu tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Cao đẳng Công nghệ và kỹ thuật Ô tô, Tổng cục Kỹ thuật	1963	4/1981 11/2014	Xã Thanh Mỹ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
279.	Trần Văn Thuận	Đại úy	Nguyên Giáo viên, Trường sĩ quan Lục quân 1	1956	02/1975 11/1989	Xã Tứ Mỹ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
280.	Lê Văn Hùng	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	8/1972 12/1993	Xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
281.	Nguyễn Thị Tước	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1955	01/1972 12/1991	Xã Phú Nam An, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
282.	Vũ Trung Tấn	Thiếu tá	Nguyên Quyền trưởng ban Hành chính, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1948	9/1967 02/1991	Xã Hạnh Phúc, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
283.	Thái Doãn Thành	Chuẩn úy	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1970	3/1988 01/2000	Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
284.	Phan Thị Minh	Thượng tá CN	Nguyên Giáo viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	7/2004 9/2015	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương
285.	Nguyễn Thị Minh Thu	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1963	3/1982 8/2014	Phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội



286.	Lương Thị Hằng	Trung tá CN	Nguyên Nhân viên, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1962	4/1981 8/2011	Phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
287.	Đặng Đình Dũng	Thượng tá CN	Nguyên Phó Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn 3, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1957	02/1975 7/2010	Xã Nam Hoa, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
288.	Hoàng Minh Sử	Thiếu tá CN	Nguyên Thủ kho Xăng dầu, Tiểu đoàn 3, Trường Đào tạo lái xe, Cục Quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1954	4/1972 01/2000	Xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
289.	Đào Vĩnh Phát	Trung úy CN	Nguyên thợ điện, Đoàn Văn công, Cục Chính trị Quân khu 2	1951	5/1972 8/1985	Phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
290.	Đỗ Thị Tuyết	Thượng úy CN	Nguyên Nhân viên, Trung đoàn 32, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần	1957	02/1975 10/1993	Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
291.	Bùi Văn The	Thiếu tá	Nguyên Giáo viên binh khí, Khoa Binh khí, Trường Sĩ quan CHKT Phòng không	1944	8/1964 9/1989	Xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
292.	Nguyễn Lâm Thao	Đại úy CN	Nguyên Nhân viên, Ban Chính trị, Trường Trung học Kỹ thuật xe máy, Cục quản lý xe máy, Tổng cục Kỹ thuật	1958	02/1982 02/1996	Xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương
293.	Đào Thị Hồng Viên	Đại úy CN	Nguyên Kỹ thuật viên, Kho vi sinh vật, Viện vệ sinh phòng dịch, Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần	1954	7/1971 11/1993	Xã Quyết Thắng, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
294.	Nguyễn Long Chuôn	Trung sĩ	Nguyên Chiến sĩ, Tiểu đoàn 32, Cục Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ	1944	9/1965 10/1975	Xã Minh Cường, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
295.	Đặng Quang Trung	Trung tá	Nguyên Trợ lý Quân huấn, Phòng Tham mưu, Lữ đoàn 28, Quân chủng PK-KQ	1968	8/1986 5/2017	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
296.	Hoàng Thị Hoa	Thiếu úy CN	Nguyên Y sĩ, Xí nghiệp 89, Đoàn 11, Tổng cục Hậu cần	1958	10/1976 6/1991	Xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa
297.	Vũ Tiến Trường	Đại úy	Nguyên Trợ lý Chính trị, Viện Khảo sát thiết kế, Binh đoàn 12	1953	5/1968 11/1988	Xã Thành Lợi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
298.	Lý Bá Dụng	Trung sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng, Đại đội 10, Trung đoàn 212, Sư đoàn 361, Quân chủng PK-KQ	1958	6/1977 7/1987	Xã Thanh Cao, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội



299.	Nguyễn Văn Thuần	Thượng úy	Nguyên Trợ lý, Phòng Tham mưu, Bộ đội Biên phòng Tây Ninh, Bộ đội Biên phòng	1959	9/1978 12/1989	Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
300.	Dương Văn Tích	Trung sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng, Đại đội 51, Sư đoàn 3, Quân khu 5	1945	01/1966 5/1976	Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
301.	Nguyễn Tiến Hòa	Đại úy CN	Nguyên Lái xe, Trường Trung cấp nghề số 14, Quân đoàn 1	1959	10/1977 11/1989	Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
302.	Đặng Thị Vinh	Thượng sĩ	Nguyên Trung đội phó, Trung đoàn 708, Sư đoàn 331, Quân khu 5	1955	3/1973 5/1984	Thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
303.	Bùi Minh Tiến	Trung úy	Nguyên cán bộ Trường quản lý Kinh tế, Tổng cục Hậu cần	1936	02/1959 12/1973	Xã Viên Nội, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
304.	Hà Văn Đệ	Thiếu úy	Nguyên Đại đội trưởng, Đoàn 235, Quân khu Việt Bắc	1942	10/1963 01/1974	Xã Vạn Thái, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
305.	Lê Văn Hồng	Thượng sĩ	Nguyên Thủ kho quân khí, Trung đoàn 702, Sư đoàn 331, Quân khu 5	1946	4/1966 8/1976	Xã Quảng Phú Cầu, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
306.	Nguyễn Ngọc Ân	Trung sĩ	Nguyên Trung đội phó, Trung đoàn 708, Sư đoàn 331, Quân khu 5	1949	3/1968 6/1978	Xã Trường Thịnh, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội
307.	Nguyễn Văn Phước	Thượng úy	Nhân viên, Ban Hậu cần-Kỹ thuật, Ban CHQS huyện Đông Anh, BTL Thủ đô Hà Nội	1990	9/2008	Xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
308.	Phùng Quang Tuế	Trung úy CN	Tiểu đội trưởng Thông tin, Tiểu đoàn Thiết Giáp 47, BTL Thủ đô Hà Nội	1990	02/2009	Xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội
309.	Cao Xuân Kỳ	Trung úy CN	Nhân viên, Ban Chính trị, Ban CHQS huyện Phú Xuyên, BTL Thủ đô Hà Nội	1990	02/2009	Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
310.	Tạ Duy Linh	Thượng úy	Đại đội trưởng, Tiểu đoàn Trinh sát 20, BTL Thủ đô Hà Nội	1989	9/2008	Xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
311.	Đào Tùng Lâm	Đại úy	Chính trị viên đại đội, Tiểu đoàn Kiểm soát quân sự 103, BTL Thủ đô Hà Nội	1990	9/2008	Xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
312.	Nguyễn Đăng Sỹ	Đại úy	Trợ lý Doanh trại, Phòng Hậu cần, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1990	9/2008	Xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh



313.	Lê Văn Mạnh	Trung úy CN	Nhân viên Quân khí, Đại đội 29, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1989	02/2009	Phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
314.	Phan Văn Thuyết	Thượng úy	Trợ lý Tài chính, Trung đoàn BB59, Sư đoàn BB301, BTL Thủ đô Hà Nội	1989	9/2008	Xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình
315.	Hoàng Duy Bảy	Hạ sĩ	Nguyên Tiểu đội trưởng, Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 41, Sư đoàn 3, Quân khu 1	1957	9/1973 6/1984	Xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*